

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2021 – 2022
MÔN NGỮ VĂN 8

Ôn tập kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 15 (SGK Ngữ văn 8 tập 1)

I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

Phần 1: Văn bản:

- *Tôi đi học* – Thanh Tịnh
 - *Trong lòng mẹ* – Nguyên Hồng
 - *Tức nước vỡ bờ* – Ngô Tất Tố
 - *Lão Hạc* – Nam Cao
 - *Cô bé bán diêm* – An-đéc-xen
 - *Đánh nhau với cối xay gió* – Xéc-van-tét
 - *Chiếc lá cuối cùng* – O. Hen-ri
 - *Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000*
 - *Ôn dịch, thuốc lá*
 - *Bài toán dân số*
 - *Đập đá ở Côn Lôn* – Phan Châu Trinh
- (Yêu cầu: Nắm được tên tác giả, tác phẩm, thể loại, phương thức biểu đạt, nắm đặc sắc nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa tác phẩm.)

Phần 2: Tiếng Việt: HS ôn những kiến thức tiếng Việt đã học:

- Trường từ vựng
 - Từ tượng hình, từ tượng thanh
 - Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội
 - Trợ từ, thán từ
 - Tình thái từ
 - Nói quá
 - Nói giảm nói tránh
 - Câu ghép
 - Các dấu câu (Dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép, dấu hai chấm)
- (Yêu cầu: Hiểu được khái niệm, biết vận dụng để làm bài tập)

Phần 3: Tập làm văn:

- Bố cục của văn bản.
- Xây dựng đoạn văn trong văn bản.
- Liên kết đoạn văn trong văn bản.
- Đoạn văn tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.
- Văn thuyết minh.

(Yêu cầu: Biết vận dụng để tạo lập văn bản).

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP

Bài tập 1

Đọc phần trích sau và thực hiện các yêu cầu:

... Thế là em quẹt những que diêm còn lại trong bao. Em muốn níu bà em lại! Diêm nổi nhau chiếu sáng như giữa ban ngày. Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này. Bà cụ cầm lấy tay em, rồi hai bà cháu bay vút lên cao, cao mãi, chẳng còn đôi rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa. **Họ đã về châu thượng đế.**

Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên cao, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt.(...) Trong buổi sáng lãnh lẽo ấy, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. **Em đã chết vì đôi rét trong đêm giao thừa.**

(Ngữ văn 8, tập 1, NXB GD 2010)

Câu 1: Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai? Nêu phương thức biểu đạt chính của phần trích.

Câu 2: Vận dụng kiến thức về phép tu từ, chỉ ra sự khác nhau trong cách viết của hai câu văn in đậm trong đoạn trích trên. Hiệu quả nghệ thuật của các cách viết đó?

Câu 3: Cho câu chủ đề: "Truyện ngắn *"Cô bé bán diêm"* đã thể hiện niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn An-đéc-xen đối với một em bé bất hạnh", viết một đoạn văn diễn dịch khoảng 10-12 câu làm rõ ý của câu chủ đề trên. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một thán từ, trợ từ (gạch chân chú thích rõ).

Bài tập 2

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu :

"Đó là chiếc lá cuối cùng", Giôn-xi nói, "Em cứ tưởng là nhất định trong đêm vừa qua nó đã rụng. Em nghe thấy gió thổi. Hôm nay, nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết".

"Em thân yêu, thân yêu!", Xiu nói, cúi khuôn mặt hốc hác xuống gần gối, "Em hãy nghĩ đến chị, nếu em không còn muốn nghĩ đến mình nữa. Chị sẽ làm gì đây?"

Nhưng Giôn-xi không trả lời. Cái cô đơn nhất trong khắp thế gian là một tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình. Khi những dây ràng buộc cô với tình bạn và với thế gian cứ lơi lỏng dần từng sợi một, ý nghĩ kì quặc ấy hình như càng choán lấy tâm trí cô mạnh mẽ hơn.

Ngày hôm đó trời qua và ngay cả trong ánh hoàng hôn, họ vẫn có thể trông thấy chiếc lá thường xuân đơn độc núp vào cái cuống của nó trên tường. Thế rồi, cùng với màn đêm buông xuống, gió bắc lại ào ào, trong khi mưa vẫn đập mạnh vào cửa sổ và rơi lộp độp xuống đất từ mái hiên thấp kiểu Hà Lan...

(O. Hen-ri, *Chiếc lá cuối cùng*, Ngữ văn 8, tập 1)

Câu 1: Xác định ngôi kể và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2: Cụm từ in nghiêng trong câu *"Cái cô đơn nhất trong khắp thế gian là một tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình."* có sử dụng biện pháp tu từ nào? Cụm từ đó có ý nghĩa gì?

Câu 3: Phân tích cấu tạo và cho biết quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghép *"Hôm nay, nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết."*

Câu 4: Có ý kiến cho rằng: "Truyện ngắn *"Chiếc lá cuối cùng"* của tác giả O. Hen-ri cho chúng ta thấy cụ Bơ-men là người giàu tình yêu thương và đức hy sinh cao cả". Bằng đoạn văn diễn dịch khoảng 10-12 câu làm sáng tỏ ý kiến trên, trong đoạn văn có sử dụng một câu ghép (gạch chân và chú thích rõ).

Bài tập 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,

Mưa nắng càng bền dạ sắt son.

Những kẻ vá trời khi lỡ bước,

Gian nan chi kể việc con con!

(**Ngữ văn 8- Tập 1**)

Câu 1: Đoạn trích trên trích từ văn bản nào? Ai là tác giả? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

Câu 2: Em hình dung công việc đập đá của người tù ở Côn Đảo là một công việc như thế nào ? (Không gian, điều kiện làm việc và tính chất công việc.)

Câu 3: Nhan đề bài thơ có ý nghĩa gì?

Câu 4: Em hiểu nghĩa câu thơ *"Gian nan chi kể việc con con"* là như thế nào? Nhận xét về giọng điệu 4 câu thơ trên?

Bài tập 4

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Hãy hiểu những người yêu thương con; tình yêu là món quà đẹp nhất và nhận được chỉ khi đã được cho đi. Hãy thương mến những ai thật lòng yêu quý con; vì chỉ có ít người như thế trong cuộc đời. Rồi hãy đáp trả tình yêu đó gấp mười lần, hãy làm tràn đầy cuộc sống của họ bằng tình yêu xuất phát từ trái tim con, như ánh nắng mặt trời chiếu rọi những góc tối trên Trái Đất. Tình yêu là một hành trình, chứ không phải là một đích đến, hãy đi theo con đường đó mỗi ngày.”

(Trích “*Con có biết*” - Nhã Nam tuyển chọn)

Câu 1: Theo em, người mẹ đã dạy con điều gì?

Câu 2: Tìm một trường từ vựng có trong đoạn trích trên?

Câu 3: Từ văn bản có đoạn trích trên và bằng hiểu biết của mình, em hãy viết một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi trình bày suy nghĩ của em về tình yêu thương con người .

Bài tập 5

Câu 1: Tìm biện pháp nói quá và giải thích ý nghĩa của chúng trong các câu sau:

a. Bàn tay ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

b. ... Cái cù bá thét ra lửa ấy lại xử nhữn mời hấn vào nhà xoi nước.

Câu 2: Tìm một số câu thành ngữ, tục ngữ có sử dụng phép tu từ nói quá, đồng thời đặt câu với các câu em vừa tìm. (3- 5 câu).

Bài tập 6

Câu 1: Từ ngữ in đậm trong các câu sau có nghĩa là gì? Vì sao tác giả Nam Cao lại sử dụng cách diễn đạt đó?

a. - Cậu Vàng **đi đời** rồi, ông giáo ạ!

b. - Lão hãy yên lòng mà **nhắm mắt**!

Câu 2: Tìm biện pháp nói giảm nói tránh trong các câu sau, giải thích ý nghĩa của các cách nói đó.

a. Bà lão lảng giềng lại lật đật chạy sang:

- Bác trai đã khá rồi chứ?

b. Bác đã đi rồi sao Bác ơi!

Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời.

c. ...Trước kia khi bà chưa về với Thượng đế chí nhân, bà cháu ta đã từng sung sướng biết bao!

Bài tập 7

Câu 1: Các vế trong các câu sau được nối với nhau bằng những phương tiện nào?

a. Bà ta thương tình toan gọi hỏi xem sao thì mẹ tôi vội quay đi, lấy nón che.

b. Mày trời ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

Câu 2: Phân tích cấu tạo ngữ pháp các câu ghép sau, chỉ rõ quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu:

a. Vợ tôi không ác nhưng thị khổ quá rồi.

b. Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ đến ai được.

c. Nếu trời rét đậm thì em phải mặc áo ấm.

Câu 3: Xác định quan hệ từ, cặp quan hệ từ trong những câu ghép dưới đây:

a. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn.

b. Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

c. Để môi trường được trong sạch thì chúng ta nên hạn chế sử dụng bao bì ni lông.

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2021 - 2022

MÔN LỊCH SỬ 8

I. Nội dung ôn tập:

Học sinh ôn tập những kiến thức Lịch sử đã học từ tuần 1 đến tuần 15, với nội dung kiến thức sau:

Bài 9: Ấn Độ thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XX

Bài 10: Trung Quốc giữa thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

Bài 11: Các nước Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

Bài 12: Nhật Bản giữa thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

Bài 13: Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)

Bài 15: Cách mạng tháng mười Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917 – 1921)

Bài 18: Nước Mĩ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)

Bài 19: Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)

Bài 20: Phong trào độc lập dân tộc ở Châu Á (1918 – 1939)

Bài 21: Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)

II. Một số dạng câu hỏi

Câu 1: Thực dân Anh hoàn thành việc xâm chiếm Ấn Độ vào thời gian nào?

Câu 2: Người đứng đầu cuộc vận động Duy tân năm 1898 là ai?

Câu 3: Vì sao Thái Lan còn giữ được hình thức độc lập?

Câu 4: Mở đầu quá trình xâm lược Trung Quốc, thực dân Anh đã làm gì?

Câu 5: Vua Minh Trị đã thực hiện biện pháp gì để đào tạo nhân tài?

Câu 6: Vì sao Nhật Bản thoát ra khỏi sự xâm lược của tư bản phương Tây?

Câu 7: Kẻ hung hãn nhất trong cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất là nước nào?

Câu 8: Duyên cớ trực tiếp làm bùng nổ chiến tranh thế giới thứ nhất?

Câu 9: Người có công lao to lớn trong thắng lợi cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 là ai?

Câu 10: Sự kiện mở đầu Cách mạng tháng Hai năm 1917 là gì?

Câu 11: Nga hoàng tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) đã đẩy nước Nga vào tình trạng gì?

Câu 12: Sau Cách mạng tháng Hai, tình hình nước Nga có điểm gì nổi bật?

Câu 13: Ngành công nghiệp phát triển nhất của Mỹ trong thập niên 20 là gì?

Câu 14: Trong thế kỉ XX, Người da đen ở Mỹ phải đối mặt với nạn gì?

Câu 15: Tổng thống Ru-đơ-ven đã làm gì để đưa nước Mỹ thoát khỏi khủng hoảng?

Câu 16: Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 ở Mỹ bắt đầu từ ngành nào?

Câu 17: Sự kiện chấm dứt sự phục hồi của nền kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ nhất là gì?

Câu 18: Mục tiêu đầu tiên trong kế hoạch xâm lược và thống trị thế giới của Nhật Bản là ở đâu?

Câu 19: Cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật Bản chống lại quá trình phát xít đất nước có tác dụng như thế nào?

Câu 20: Bước tiến của phong trào dân chủ tư sản ở Đông Nam Á là?

Câu 21: Kết quả lớn nhất của cuộc cách mạng Mông Cổ 1921 – 1924 là gì?

Câu 22: Suốt thập niên 30 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh chống thực dân Anh ở Ấn Độ diễn ra dưới hình thức nào?

Câu 23: Khôỉ Phất xít gồm những nước nào?

Câu 24: Tháng 1/1942, mặt trận Đồng minh thành lập nhằm mục đích gì?

Câu 25: Chiến tranh thế giới thứ hai được mở đầu bằng sự kiện nào?

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021 – 2022
MÔN: ĐỊA LÝ 8

I. Phần lí thuyết.

1. Đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội các nước châu Á

- Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản một số đặc điểm phát triển kinh tế các nước Châu Á.
- Biết được xu hướng phát triển kinh tế xã hội của các nước Châu Á hiện nay.
- Phân tích các bảng số liệu kinh tế - xã hội.

2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội các nước châu Á

- Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế ở các nước và vùng lãnh thổ Châu Á.
- Đọc, phân tích mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên và hoạt động kinh tế, đặc biệt tới sự phân bố cây trồng và vật nuôi.

3. Khu vực Tây Nam Á

- Trình bày được những đặc điểm nổi bật về vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế, xã hội của khu vực tây Nam Á.
- Đọc bản đồ, lược đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế

4. Đặc điểm tự nhiên khu Nam Á

- Trình bày được những đặc điểm nổi bật về vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên khu vực Nam Á.
- Đọc bản đồ, lược đồ tự nhiên.

5. Dân cư và đặc điểm kinh tế khu vực Nam Á

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

Dân số Ấn Độ giai đoạn 2000 – 2020 (Đơn vị : %)

Năm	2000	2005	2008	2010	2011	2020
Số dân(triệu người)	1053,9	1140,0	1190,9	1224,6	1241,5	1385,4

- a. *Hãy vẽ biểu đồ đường thể hiện dân số Ấn Độ giai đoạn 2000 - 2020 .*
b. *Từ biểu đồ đã vẽ rút ra nhận xét cần thiết.*

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu GDP của Ấn Độ năm 2013 và 2016

Các ngành kinh tế	Năm 2013	Năm 2016
Nông- lâm- ngư nghiệp	17	16,5
Công nghiệp – xây dựng	26	29,8
Dịch vụ	57	53,7

Vẽ biểu đồ và nhận xét cơ cấu GDP của Ấn Độ năm 2013 và 2016.

6. Đặc điểm tự nhiên khu vực Đông Á.

- Trình bày được vị trí địa lý khu vực và tên các quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc khu vực Đông Á.
- Trình bày và giải thích được các đặc điểm về địa hình, khí hậu, sông ngòi và cảnh quan tự nhiên của khu vực.

II. Phần trắc nghiệm. Ôn tập kiến thức từ bài 7 đến 12 chương trình địa lí lớp 8

Câu hỏi vận dụng

Câu 1: Những nước có ngành dịch vụ phát triển cao ở châu Á

- A. Trung quốc, Ấn Độ, Nhật Bản. B. Trung quốc, Xin-ga-po, Nhật Bản.

C. Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin –ga-po.

D. Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào.

Câu 2: Vật Nuôi quan trọng nhất ở Bắc Á là :

A. Lợn

B. Bò

C. Gà

D. Tuần Lộc

Câu 3: Nhận xét nào **đúng** khi nói về nền kinh tế Châu Á?

A. Các quốc gia châu Á có nền kinh tế rất phát triển.

B. Kinh tế phát triển chủ yếu dựa vào khai thác khoáng sản.

C. Bình quân thu nhập đầu người cao.

D. Sự phát triển kinh tế giữa các quốc gia không đều.

Câu 4: Các nước xuất khẩu gạo đứng đầu thế giới là

A. Thái Lan và Việt Nam.

B. Trung Quốc và Ấn Độ.

C. Nhật Bản và Hàn Quốc.

D. Phi-lip-pin và In-đô-nê-xi-a.

Câu 5. Một trong những khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội của các nước khu vực Tây Nam Á là:

A. dân số đông.

B. nhiều tài nguyên dầu mỏ.

C. vị trí cầu nối giữa 3 châu lục Á, Âu, Phi.

D. xung đột giữa các dân tộc trong và ngoài khu vực.

Câu 6: Khu vực Tây Nam Á là nằm ở ngã ba của ba châu lục nào?

A. Châu Á, châu Âu, châu Phi.

B. Châu Á, châu Âu, châu Mỹ .

B. Châu Á, châu Mỹ, châu Phi.

D. Châu Á, châu Âu, châu Đại Dương.

Câu 7. Dân cư Nam Á chủ yếu theo các tôn giáo

A. Ấn Độ giáo và Hồi giáo

B. Hồi giáo và Phật giáo

C. Phật giáo và Ấn Độ giáo

D. Ấn Độ giáo và Thiên Chúa giáo

Câu 8: Khí hậu chủ yếu của Tây Nam Á là?

A. Khí hậu gió mùa.

B. Khí hậu hải dương.

C. Khí hậu lục địa .

D. Khí hậu xích đạo.

Câu 9. Dãy núi Himalaya nằm ở phía nào của khu vực Nam Á?

A. Phía đông. B. Phía tây. C. Phía bắc .

D. Phía nam.

Câu 10. Nam Á là một trong những khu vực

A. lạnh nhất thế giới

B. khô hạn nhất thế giới

C. có mưa nhiều nhất thế giới

D. nóng nhất thế giới

Câu 11. Khu vực Nam Á có cùng vĩ độ với Việt Nam nhưng lại có mùa đông ấm hơn vì:

A. Khu vực Nam Á có đường bờ biển dài hơn.

B. Khu vực Nam Á có dạng hình khối còn lãnh thổ Việt Nam có bề ngang hẹp.

C. Khu vực Nam Á chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam

D. Dãy Himalaya cao nên có tác dụng chắn khối không khí lạnh từ Trung Á xuống.

Câu 12: Dựa vào tập bản đồ địa lý 8 (Trang 12) cho biết Nam Á tiếp giáp với đại dương nào?

A. Thái Bình Dương.

B. Ấn Độ Dương.

C. Bắc Băng Dương.

D. Đại Tây Dương.

Câu 13. Khu vực Nam Á có diện tích là 4489 nghìn km², dân số là 1356 triệu người (năm 2001) , vậy mật độ dân số khu vực Nam Á là

A. 302 người/km²

B. 30,2 người/km²

C. 203 người/km²

D. 20,3 người/km²

Câu 14: Các quốc gia khu vực Nam Á có nền kinh tế

A. phát triển.

B. đang phát triển.

C. kém phát triển.

D. ổn định.

Câu 15: Nhân tố nào ảnh hưởng rõ rệt đến sự phân hoá của khu vực Nam Á?

A. Vĩ độ. B. Gió mùa. C. Địa hình. D. Kinh độ.

Câu 16: Dạng địa hình chủ yếu ở phía đông phần đất liền khu vực Đông Á là

A. núi cao. B. sơn nguyên. C. đồng bằng. D. núi lửa.

Câu 17: Con sông nào là ranh giới tự nhiên giữa Trung Quốc và Nga?

A. Hoàng Hà. B. Trường Giang. C. Amur. D. Lan Thương.

Câu 18: Hệ thống sông lớn của Đông Á có lũ vào mùa

A. thu đông B. đông xuân C. cuối xuân đầu hạ D. cuối hạ đầu thu.

Câu 19: Phần hải đảo của Đông Á chịu những thiên tai nào?

A. Băng tuyết. B. Động đất, núi lửa. C. Lốc xoáy. D. Hạn hán, kéo dài.

Câu 20: Dạng địa hình phổ biến ở khu vực Tây Nam Á là

A. đồng bằng thấp B. đồng bằng cao
C. đồi và thung lũng D. núi và sơn nguyên.

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I NĂM HỌC 2021- 2022 MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8

A. NỘI DUNG ÔN TẬP: Ôn các bài từ tuần 1 đến tuần 15 trong đó trọng tâm kiến thức:

- Bài 6: *Xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh*
- Bài 8: *Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác*
- Bài 9: *Góp phần xây dựng nếp sống văn hóa ở cộng đồng dân cư*
- Bài 10: *Tự lập*
- Bài 11: *Lao động tự giác và sáng tạo*

B. YÊU CẦU ÔN TẬP:

- Khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa, cách rèn luyện liên quan các đơn vị kiến thức
- Suu tầm các câu ca dao, tục ngữ thể hiện nội dung kiến thức đã học.
- Làm các bài tập tình huống trong SGK, SBT phát triển năng lực GD CD Lớp 8
- Vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống trong thực tế.

C. HÌNH THỨC RA ĐỀ: Trắc nghiệm 100% (30 câu): Lý thuyết + Tình huống

D. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: *Thế nào là tình bạn trong sáng lành mạnh?*

- A. là tình bạn giữa hai hoặc nhiều người với nhau
- B. là tình cảm gắn bó giữa hai hoặc nhiều người trên cơ sở hợp nhau về tính tình, sở thích hoặc có chung xu hướng hoạt động, có cùng lí tưởng sống...
- C. là tình cảm sau khi tìm hiểu một thời gian dài và thấy thấu hiểu nhau
- D. là tình cảm nảy sinh sau khi thấy sự tôn trọng nhau giữa hai người

Câu 2: *Câu nào sau đây là đúng nhất khi nói về ý nghĩa của tình bạn trong sáng, lành mạnh?*

- A. Giúp cho những người bạn cảm thấy vui hơn
- B. Giúp con người cảm thấy ấm áp, tự tin, yêu cuộc sống hơn, biết tự hoàn thiện mình để sống tốt hơn
- C. Giúp con người cảm thấy mình mạnh mẽ hơn vì có nhiều người bên cạnh mình
- D. Giúp cho con người cảm thấy mình không cô đơn trong cuộc đời

Câu 3: *Em đồng ý với ý kiến nào dưới đây khi nói về tình bạn trong sáng, lành mạnh?*

- A. Tình bạn đẹp chỉ có trong sách vở

B. Tình bạn trong sáng lành mạnh dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng, tin cậy, chân thành, không vụ lợi, có trách nhiệm, luôn thông cảm, chia sẻ, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ

C. Tự tập, rủ rê nhau chơi bời, đàn đúm, bỏ bê học hành.

D. Không có tình bạn trong sáng lành mạnh giữa hai người khác giới

Câu 4: *Bạn Hà là bạn thân của em và rủ em cùng học nhóm chung để cùng nhau nâng cao khả năng học tập và hoàn thiện các bài tập được thầy cô giao. Vậy việc làm của bạn Hà thể hiện điều gì?*

A. Bạn Hà là người lợi dụng em

B. Bạn Hà thể hiện tình bạn trong sáng lành mạnh với em

C. Bạn Hà chỉ muốn lo cho bản thân bạn

D. Bạn Hà muốn sử dụng tập thể để hoàn thành bài cho bạn

Câu 5: *Em hãy cho biết khái niệm về sự tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác.*

A. Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác là không bao giờ nói xấu về dân tộc khác, và đi du học đến nước đó để học hỏi.

B. Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác là tôn trọng con người của dân tộc đó sau đó học theo những điều họ thực hiện.

C. Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác là đề cao dân tộc khác và học hỏi tất cả mọi điều từ họ.

D. Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác tôn trọng chủ quyền, lợi ích và nền văn hóa của các dân tộc; luôn tìm hiểu và tiếp thu những điều tốt đẹp trong nền kinh tế, văn hóa, xã hội của các dân tộc đồng thời thể hiện lòng tự hào dân tộc chính đáng.

Câu 6: *Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác là:*

A. Tôn trọng và học hỏi các dân tộc có địa phận giáp với địa phận của dân tộc mình.

B. Tôn trọng và học hỏi các dân tộc mà họ rất phát triển về mọi mặt của đời sống.

C. Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác không loại trừ dân tộc đó là dân tộc nào vì dân tộc nào cũng có nét đặc sắc đáng để học hỏi.

D. Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác là tôn trọng và học hỏi từ những dân tộc có giúp đỡ cho dân tộc ta.

Câu 7: *Theo em, hành động nào sau đây thể hiện sự tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác:*

A. Do yêu thích các ca sĩ, diễn viên Hàn Quốc nên bạn Đức đã tìm mua những trang bị, quần áo giống của các ca sĩ, diễn viên đó để mặc.

B. Do yêu thích các ca sĩ, diễn viên Hàn Quốc nên bạn Đức đã chăm chỉ học tập, nghiên cứu về đất nước Hàn Quốc và đã biết chọn lọc, vận dụng những điều tốt đẹp từ đất nước Hàn Quốc cũng như các ca sĩ, diễn viên, để từ đó bạn Đức đã trở nên tốt đẹp hơn.

C. Do yêu thích các ca sĩ, diễn viên Hàn Quốc nên bạn Đức đã tiết kiệm tiền để đi sang Hàn Quốc xem họ biểu diễn nghệ thuật.

D. Do yêu thích các ca sĩ, diễn viên Hàn Quốc nên bạn Đức đã thay đổi kiểu tóc, quần áo giống như họ để trở nên sành điệu hơn.

Câu 8: *Trong một lần dạo chơi ở phố cổ Hà Nội, em và bạn mình có gặp những vị khách du lịch người da màu, bạn em đã chế nhạo và có những lời nói không hay về họ, em nên làm gì?*

A. Khuyên bạn không nên làm như vậy vì đó là nét đặc trưng của dân tộc họ, ta cần tôn trọng nét riêng của dân tộc đó và không được có những hành vi phi báng, bôi nhọ và nói những lời không hay về họ.

B. Khuyên bạn không nên nói to và để cho họ thấy rằng mình đang không tôn trọng họ.

C. Khuyên bạn nên đi về hoặc rời đi chỗ khác rồi có thể chế nhạo và nói gì về họ cũng được.

D. Khuyến bạn nên tiếp tục việc chế nhạo đó vì em cũng cảm thấy họ rất đáng bị như vậy.

Câu 9: Em hãy cho biết, Tự lập là gì?

A. Tự lập là tự mình lập nên một tổ chức của mình.

B. Tự lập là tự làm lấy, tự giải quyết công việc của mình, tự lo liệu, tạo dựng cho cuộc sống của mình; không trông chờ, dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác.

C. Tự lập là tự làm lấy, tự giải quyết công việc của mình, tự lo liệu, tạo dựng cho cuộc sống của mình sau khi nhận được sự hỗ trợ của gia đình và luôn nghĩ đến việc dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác.

D. Tự lập là công việc rất quan trọng của người trưởng thành, bởi nếu họ không tự lập họ sẽ không thể dựa dẫm vào ai.

Câu 10: Tự lập có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của mỗi người?

A. Tự lập sẽ tăng độ tự tin và giàu có đối với cuộc sống của mỗi người.

B. Tự lập sẽ giúp cho người nghèo trở nên giàu có.

C. Tự lập sẽ giúp cho con người ta thành công trong cuộc sống và được tôn trọng.

D. Tự lập sẽ giúp cho những người có hoàn cảnh khó khăn lấy được tình thương từ những người có hoàn cảnh tốt.

Câu 11: Em tán thành với ý kiến nào sau đây về tự lập?

A. Chỉ có con nhà nghèo mới cần tự lập

B. Không thể thành công nếu chỉ dựa trên sự nỗ lực phấn đấu của bản thân

C. Tự lập trong cuộc sống không phải là điều dễ dàng vì vậy chúng ta phải chờ đợi sự hỗ trợ từ những người có khả năng giúp đỡ chúng ta thực hiện điều đó.

D. Những người có tính tự lập thường gặt hái được nhiều thành công trong cuộc sống mặc dù phải trải qua nhiều gian khổ, khó khăn.

Câu 12: Bố mẹ của bạn Tâm rất bận, thường đi làm từ sáng sớm đến tối mịt mới trở về nhà, nếu là bạn Tâm em sẽ làm gì để thể hiện tính tự lập?

A. Em sẽ tự mình chơi các trò chơi mà khi bố mẹ ở nhà không đồng ý cho em chơi.

B. Em sẽ tự thức dậy vào mỗi sáng, tự giác học tập, và chủ động làm các công việc nhà giúp đỡ cho bố mẹ.

C. Em sẽ chờ bố mẹ về và chủ động chạy ra chào bố mẹ.

D. Em sẽ tìm cách lấy lòng bố mẹ để có thể xin bố mẹ mua cho mình những món đồ mình thích.

Câu 13: Phát biểu nào sau đây là đúng về lao động tự giác?

A. Lao động tự giác là chủ động làm việc không đợi ai nhắc nhở, không phải do áp lực từ bên ngoài.

B. Lao động tự giác là chủ động làm việc mà không ai làm

C. Lao động tự giác là chủ động làm việc mà mọi người cảm thấy khó khăn và vất vả nhưng mình vẫn nhất quyết làm bằng được.

D. Lao động tự giác là chủ động rủ bạn của mình đi học.

Câu 14: Trường hợp nào sau đây thể hiện tính lao động tự giác và sáng tạo ?

A. Bạn Minh luôn chăm chỉ và chủ động trong học tập, qua đó Minh đã tìm được nhiều cách giải hay luôn đạt thành tích cao trong học tập

B. Bạn Toàn luôn chủ động hoàn thành bài tập về nhà vì vậy Toàn đã mượn vở của các bạn khác trong lớp để chép phần bài làm của các bạn đó.

C. Bạn Hằng luôn muốn giành được điểm cao trong các môn học nên đã nhờ các bạn có học lực giỏi làm bài giúp để nộp cho cô giáo chấm điểm

D. Bạn Trang luôn chủ động giấu bài tập thầy cô giáo giao về nhà để bố mẹ không biết và bạn Trang không phải giành quá nhiều thời gian cho việc học ở nhà.

Câu 15: *Mỗi người cần phải rèn luyện lao động tự giác, sáng tạo vì :*

- A. Mọi người ai cũng có tính tự giác, sáng tạo trong lao động
- B. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đòi hỏi có những người lao động tự giác và sáng tạo.
- C. Khi lao động tự giác sáng tạo sẽ giúp cho chúng ta được khen thưởng và biểu dương
- D. Lao động tự giác sáng tạo sẽ thuận lợi cho công danh sự nghiệp của mỗi người.

Câu 16: *Em rất muốn rèn luyện tính tự giác, sáng tạo cho bản thân mình trong học tập, vì vậy em cần phải:*

- A. Làm việc, học tập không kể ngày đêm
- B. Học tất cả những gì em thấy thích thú
- C. Học tập và rèn luyện những phẩm chất tốt đẹp từ người khác.
- D. Lên kế hoạch lao động tự giác và lao động sáng tạo trong học tập và thực hiện kế hoạch đó một cách nghiêm túc.

Câu 17: *Thế nào là tôn trọng người khác?*

- A. Là đánh giá đúng mức, coi trọng danh dự, phẩm giá và lợi ích của người khác; thể hiện lối sống có văn hóa của mỗi người
- B. Không nói xấu người khác
- C. Không xâm phạm quyền riêng tư của người khác
- D. Là bảo vệ người khác trước những điều tiếng không tốt

Câu 18: *Tôn trọng người khác sẽ nhận được điều gì?*

- A. Được lợi ích, tài sản từ người khác
- B. Được đặc quyền mà người khác ban cho
- C. Được người khác tôn trọng mình.
- D. Được người khác khen ngợi mình

Câu 19. *Em thấy một người cư xử rất thô lỗ trong bệnh viện, người này có những lời nói không hay và còn nói rất to, làm ảnh hưởng đến những người khác và không gian trong bệnh viện. Theo em hành vi của người này là:*

- A. Không tôn trọng người khác
- B. Tôn trọng người khác
- C. Biết tự lo cho bản thân mình
- D. Biết nghĩ cho cộng đồng

Câu 20. *Em sẽ làm gì nếu thấy có người vứt rác bừa bãi ra đường?*

- A. Mặc kệ người đó
- B. Khuyên họ không nên làm vậy vì sẽ làm ảnh hưởng đến không gian chung và những người khác
- C. Khuyên họ nên vứt rác khi không có ai nhìn thấy
- D. Khuyên họ nên gói vào túi bóng đen để không ai biết đó là rác

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I NĂM HỌC 2021 - 2022
MÔN: VẬT LÝ 8

I. LÝ THUYẾT :

- 1) Chuyển động cơ học là gì? Cho ví dụ.
- 2) Công thức tính vận tốc? Giải thích nêu đơn vị của các đại lượng?
- 3) Phân biệt chuyển động đều và chuyển động không đều. Viết công thức tính vận tốc trung bình của chuyển động không đều.
- 4) Nêu các yếu tố của lực và cách biểu diễn lực bằng vector.
- 5) Thế nào là hai lực cân bằng? Nêu tác dụng của 2 lực cân bằng cùng tác dụng lên một vật. Quán tính là gì?

- 6) Lực ma sát xuất hiện khi nào? Cho ví dụ. Ma sát có lợi hay có hại? Cho ví dụ.
 7) Nêu áp lực, áp suất là gì? Viết công thức tính áp suất, áp suất chất lỏng. Nêu tên và đơn vị các đại lượng có trong công thức.
 8) Một vật nhúng trong chất lỏng chịu tác dụng của một lực có phương, chiều và độ lớn như thế nào? Viết công thức tính F_A . Nêu tên đơn vị các đại lượng trong công thức.
 9) Nêu điều kiện để một vật chìm xuống, nổi lên, lơ lửng trong chất lỏng.
 10) Nêu điều kiện để có công cơ học. Công thức tính công. Giải thích, nêu đơn vị đo của các đại lượng trong công thức.

II. BÀI TẬP

1. Trắc nghiệm: Xem các bài trong sách bài tập

Câu 1: Một chiếc ô tô đang chạy, người soát vé đang đi lại. Câu nhận xét nào sau đây là **sai**?

- A. Hành khách đứng yên so với người lái xe.
 B. Người soát vé đứng yên so với hành khách.
 C. Người lái xe chuyển động so với cây bên đường.
 D. Hành khách chuyển động so với nhà cửa bên đường.

Câu 2: Vận tốc của ô tô là 40 km/h, của xe máy là 11,6 m/s, của tàu hỏa là 600m/ phút. Cách sắp xếp theo thứ tự vận tốc giảm dần nào sau đây là đúng.

- A. Tàu hỏa – ô tô – xe máy. C. Ô tô- tàu hỏa – xe máy.
 B. Tàu hỏa – xe máy – ô tô. D. Xe máy – ô tô – tàu hỏa.

Câu 3: Một người đi xe máy trong 6 phút được quãng đường 4 km. Trong các kết quả vận tốc sau kết quả nào đúng?

- A. $v = 40$ km/h. B. $v = 400$ m/ph. C. $v = 4$ km/ph. D. $v = 10$ m/s.

Câu 4: Chuyển động của vật nào sau đây được coi là đều ?

- A. Chuyển động của ô tô đang chạy trên đường.
 B. Chuyển động của tàu hỏa lúc vào sân ga.
 C. Chuyển động của máy bay đang hạ cánh xuống sân bay.
 D. Chuyển động của chi đội đang bước đều trong buổi duyệt nghi thức đội.

Câu 5: Muốn biểu diễn một véc tơ lực chúng ta cần phải biết các yếu tố :

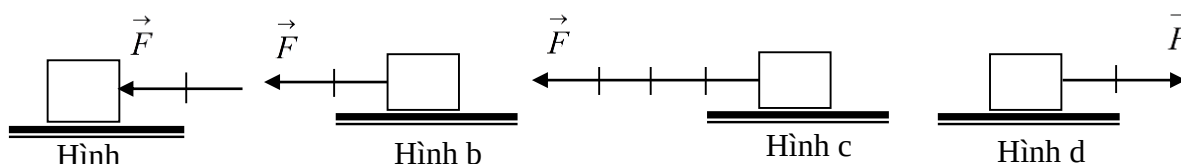
- A. Phương, chiều. C. Điểm đặt, phương, chiều.
 B. Điểm đặt, phương, độ lớn. D. Điểm đặt, phương, chiều và độ lớn.

Câu 6: Vì sao nói lực là một đại lượng véc tơ ?

- A. Vì lực là đại lượng chỉ có độ lớn.
 B. Vì lực là đại lượng vừa có độ lớn vừa có phương.
 C. Vì lực là đại lượng vừa có độ lớn vừa có phương và chiều.
 D. Vì lực là đại lượng vừa có phương vừa có chiều.

Câu 7: Lực tác dụng lên vật theo phương ngang, chiều từ phải sang trái, cường độ 40N, tỉ xích 1cm ứng với 20N. Cách biểu diễn đúng là:

- A. Hình a B. Hình b C. Hình c D. Hình d



Câu 8: Thế nào là hai lực cân bằng ?

- A. Hai lực cùng cường độ, có phương trên cùng một đường thẳng, ngược chiều và cùng tác dụng vào một vật.
 B. Hai lực cùng cường độ, có phương trên cùng một đường thẳng, cùng chiều và cùng tác dụng vào một vật.
 C. Hai lực cùng cường độ, có phương trên cùng một đường thẳng và ngược chiều.
 D. Hai lực cùng cường độ, cùng phương, cùng chiều và cùng tác dụng vào một vật.

Câu 9: Khi vật chịu tác dụng của 2 lực cân bằng thì:

- A. Vật đang đứng yên sẽ chuyển động;

- B. Vật đang chuyển động sẽ chuyển động chậm dần.
- C. Vật đang chuyển động sẽ tiếp tục chuyển động thẳng đều.
- D. Vật đang chuyển động sẽ chuyển động nhanh dần.

Câu 10: Trường hợp nào không chịu tác dụng của 2 lực cân bằng:

- A. Quyển sách nằm yên trên mặt bàn nằm ngang.
- B. Hòn đá nằm yên trên dốc núi.
- C. Giọt nước mưa rơi đều theo phương thẳng đứng.
- D. Một vật nặng được treo bởi sợi dây.

Câu 11: Quán tính là:

- A. tính chất giữ nguyên độ lớn và hướng của vận tốc.
- B. tính chất giữ nguyên trọng lượng của vật.
- C. tính chất giữ nguyên khối lượng của vật.
- D. tính chất giữ nguyên thể tích của vật.

Câu 12: Hiện tượng nào sau đây có được **không** phải do quán tính?

- A. Gõ cán búa xuống nền để tra búa vào cán.
- B. Giữ quần áo cho sạch bụi.
- C. Quả dừa rơi từ trên cây xuống đất.
- D. Vẩy mực ra khỏi bút.

Câu 13: Trong các trường hợp dưới đây trường hợp nào ma sát có ích?

- A. Ma sát làm mòn lốp xe.
- C. Ma sát làm ô tô qua được chỗ lầy.
- B. Ma sát sinh ra giữa trục xe và bánh xe.
- D. Ma sát sinh ra khi vật trượt trên mặt sàn.

Câu 14: Lực ma sát nào giúp ta cầm quyển sách không trượt khỏi tay ?

- A. Lực ma sát trượt.
- C. Lực ma sát nghỉ.
- B. Lực ma sát lăn.
- D. Lực ma sát trượt và lực ma sát nghỉ.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây là đúng về áp lực ?

- A. Áp lực là lực ép lên mặt bị ép.
- B. Áp lực là trọng lượng của vật ép lên mặt sàn.
- C. Áp lực là lực ép có phương vuông góc với mặt bị ép.
- D. Áp lực là trọng lượng của vật ép vuông góc lên mặt sàn.

Câu 16: Trường hợp nào trong các trường hợp sau có thể làm tăng áp suất của một vật lên vật khác?

- A. Giữ nguyên áp lực tác dụng vào vật, tăng diện tích mặt bị ép.
- B. Giữ nguyên áp lực tác dụng vào vật, giảm diện tích mặt bị ép.
- C. Giữ nguyên diện tích mặt bị ép, giảm áp lực tác dụng vào vật.
- D. Vừa giảm áp lực tác dụng vào vật vừa tăng diện tích mặt bị ép.

Câu 17: Đơn vị đo áp suất là gì ?

- A. Niuton (N).
- C. Niuton mét (Nm).
- B. Niuton trên mét (N/m).
- D. Niuton trên mét vuông (N/m²).

Câu 18: Trong các lực sau đây lực nào gây được áp lực ?

- A. Trọng lượng của một vật treo trên lò xo.
- B. Lực của lò xo giữ vật nặng được treo vào nó.
- C. Trọng lượng của xe lăn ép lên mặt đường.
- D. Một nam châm hút chặt cái đinh sắt.

Câu 19: Một xe tăng khối lượng 45 tấn, có diện tích tiếp xúc các bản xích của xe lên mặt đất là 1,25m². Tính áp suất của xe tăng lên mặt đất.

- A. 36N/m².
- B. 36 000N/m².
- C. 360 000N/m².
- D. 18 000N/m².

Câu 20: Phát biểu nào sau đây đúng về áp suất chất lỏng ?

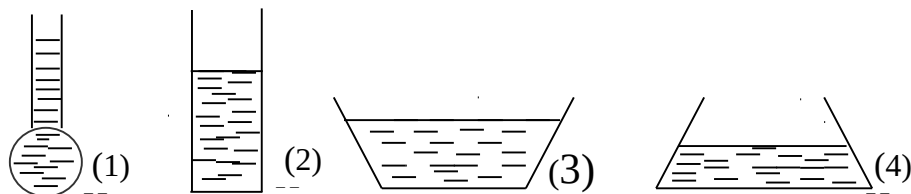
- A. Chất lỏng chỉ gây áp suất lên đáy bình.
- B. Chất lỏng chỉ gây áp suất lên đáy bình và thành bình.
- C. Chất lỏng gây áp suất lên cả đáy bình, thành bình và các vật ở trong chất lỏng.
- D. Chất lỏng chỉ gây áp suất lên các vật nhúng trong nó.

Câu 21: Công thức tính áp suất chất lỏng là:

- A. $p = \frac{d}{h}$;
- B. $p = d.h$;
- C. $p = d.V$;
- D. $p = \frac{h}{d}$.

Câu 22: Bốn bình 1,2,3,4 cùng đựng nước như hình 6. Áp suất của nước lên đáy bình nào lớn nhất?

- A. Bình 1.
- B. Bình 2.
- C. Bình 3.
- D. Bình 4.



Câu 23: Tại sao nắp ấm pha trà có một lỗ nhỏ ?

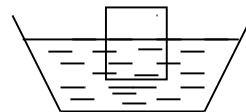
- A. Để nước nóng bay hơi bớt cho đỡ nóng.
- B. Để dễ đổ nước ra chén do lợi dụng áp suất khí quyển.
- C. Để trang trí cho đẹp.
- D. Để cho đúng mốt.

Câu 24: Móc 1 quả nặng vào lực kế ở ngoài không khí, lực kế chỉ 30N. Nhúng chìm quả nặng đó vào trong nước số chỉ của lực kế thay đổi như thế nào?

- A. Tăng lên;
- B. Giảm đi;
- C. Không thay đổi;
- D. Chỉ số 0.

Câu 25: Ta biết công thức tính lực đẩy Acsimét là $F_A = d.V$. Ở hình vẽ thì V là thể tích nào?

- A. Thể tích toàn bộ vật.
- B. Thể tích chất lỏng.
- C. Thể tích phần chìm của vật.
- D. Thể tích phần nổi của vật.



Câu 26: Gọi d_v là trọng lượng riêng của chất làm vật, d là trọng lượng riêng của chất lỏng. Điều nào sau đây là không đúng?

- A. Vật sẽ chìm xuống khi $d_v > d$.
- B. Vật sẽ chìm xuống một nửa khi $d_v < d$.
- C. Vật sẽ nổi lên mặt chất lỏng khi $d_v > d$.
- D. Vật sẽ lơ lửng trong chất lỏng khi $d_v = d$.

Câu 27: Trường hợp nào sau đây có công cơ học

- A. Một quả bưởi rơi từ cành cây xuống
- B. Một lực sĩ cử tạ đang đứng yên ở tư thế đỡ quả tạ
- C. Một học sinh đang ngồi học bài
- D. Hành khách đang ra sức đẩy một xe khách bị chết máy, nhưng xe vẫn không chuyển động

Câu 28: Một quả dừa nặng 2,5kg rơi từ trên cây cách mặt đất 800cm. Công của trọng lực là bao nhiêu?

- A. 200J
- B. 2000J
- C. 20J
- D. 320J.

2. Tự luận :

Bài 1: Một ô tô đi từ tỉnh A đến tỉnh B với quãng đường dài 104km hết 2 giờ.

- a. Tính vận tốc của ô tô ra km/h và m/s
- b. Biết ô tô có trọng lượng 22000N và diện tích các bánh xe tiếp xúc với mặt đường là $1,1\text{dm}^2$. Tính áp suất của ô tô lên mặt đường.

Bài 2: Một thùng cao 1,2m đựng đầy nước. Tính áp suất của nước lên đáy thùng và lên một điểm cách đáy thùng 0,3m. Biết trọng lượng riêng của nước là 10000N/m^3 .

Bài 3: Móc một vật A vào một lực kế thì lực kế chỉ 7,5N, nhưng khi nhúng vật vào trong nước thì thấy lực kế chỉ 4,5N

- a. Tính lực đẩy Ác si mét tác dụng lên vật
- b. Tính thể tích của chất làm vật biết trọng lượng riêng của nước là 10000N/m^3
- c. Nếu vật được nhúng chìm ở những độ sâu khác nhau thì lực đẩy Ác si mét tác dụng lên vật có thay đổi không? Tại sao?
- d. Tính trọng lượng riêng của chất làm vật.

Bài 4: Một con ngựa kéo xe chuyển động đều với lực kéo là 1200N. Trong 10 phút công thực hiện được là 720kJ. Tính vận tốc của xe.

Bài 5. Giải thích các trường hợp sau:

- a. Các xe tải hạng nặng thường có số bánh xe nhiều hơn bốn.
- b. Khi lặn sâu dưới nước người thợ lặn phải mặc bộ đồ lặn.
- c. Trên biển (nước mặn) người ta dễ nổi hơn trên sông hồ (nước ngọt).

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021 – 2022
MÔN: SINH HỌC 8

I – LÝ THUYẾT

Câu 1:

- a) Nêu cấu tạo và chức năng của nơron.
- b) Phản xạ là gì? Lấy VD về phản xạ.

Câu 2. Xương to ra do đâu, xương dài ra do đâu? Nêu thành phần hóa học và tính chất của xương.

Câu 3. Nêu nguyên nhân của sự mỏi cơ và các biện pháp chống mỏi cơ.

Câu 4. Máu gồm những thành phần cấu tạo nào? Nêu chức năng của huyết tương, hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu.

Câu 5. Hệ tuần hoàn máu gồm những thành phần cấu tạo nào? Nêu chức năng vòng tuần hoàn lớn, vòng tuần hoàn nhỏ.

Câu 6:

- a) Nêu khái niệm về hô hấp, quá trình hô hấp gồm mấy giai đoạn kể tên?
- b) Nêu các cơ quan chính trong hệ hô hấp ở người và chức năng của chúng

Câu 7: Nêu các biến đổi lý học và hóa học trong tiêu hóa khoang miệng, dạ dày.

II. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

Câu 1: Khi ném quả bóng vào một rễ treo trên cao, chúng ta đã tạo ra

- A. phản lực.
- B. lực đẩy.
- C. lực kéo.
- D. lực hút.

Câu 2: Hiện tượng mỏi cơ có liên quan mật thiết đến sự sản sinh loại axit hữu cơ nào?

- A. Axit axêtic
- B. Axit malic
- C. Axit acrylic
- D. Axit lactic

Câu 3: Hoạt động của cơ hầu như không chịu ảnh hưởng bởi yếu tố nào sau đây?

- A. Trạng thái thần kinh
- B. Màu sắc của vật cần di chuyển
- C. Nhịp độ lao động
- D. Khối lượng của vật cần di chuyển

Câu 4: Sự mỏi cơ xảy ra chủ yếu là do sự thiếu hụt yếu tố dinh dưỡng nào?

- A. Ôxi
- B. Nước
- C. Muối khoáng
- D. Chất hữu cơ

Câu 5. Loại bạch cầu nào dưới đây tham gia vào hoạt động thực bào?

- A. Bạch cầu trung tính
- B. Bạch cầu limphô
- C. Bạch cầu ưa kiềm
- D. Bạch cầu ưa axit

Câu 6. Trong hệ thống “hàng rào” phòng chống bệnh tật của con người, nếu vi khuẩn, virus thoát khỏi sự thực bào thì ngay sau đó, chúng sẽ phải đối diện với hoạt động bảo vệ của

- A. bạch cầu trung tính.
- B. bạch cầu limphô T.
- C. bạch cầu limphô B.
- D. bạch cầu ưa kiềm.

Câu 7. Hoạt động hô hấp của người có sự tham gia tích cực của những loại cơ nào?

- A. Cơ lưng xô và cơ liên sườn
- B. Cơ ức đòn chũm và cơ hoành
- C. Cơ liên sườn và cơ nhị đầu
- D. Cơ liên sườn và cơ hoành

Câu 8. Khi chúng ta hít vào, cơ liên sườn ngoài và cơ hoành sẽ ở trạng thái nào?

- A. Cơ liên sườn ngoài giãn còn cơ hoành co

- B. Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều dẫn
- C. Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều co
- D. Cơ liên sườn ngoài co còn cơ hoành dẫn

Câu 9. Trong cơ thể người, loại tế bào nào dưới đây có khả năng tiết kháng thể ?

- A. Bạch cầu mônô B. Bạch cầu limphô B
- C. Bạch cầu limphô T D. Bạch cầu ưa axit

Câu 10. Khi được tiêm phòng vacxin thủy đậu, chúng ta sẽ không bị mắc căn bệnh này trong tương lai. Đây là dạng miễn dịch nào ?

- A. Miễn dịch tự nhiên B. Miễn dịch nhân tạo
- C. Miễn dịch tập nhiễm D. Miễn dịch bẩm sinh

Câu 11. Tế bào limphô T có khả năng tiết ra chất nào dưới đây ?

- A. Prôtêin độc B. Kháng thể C. Kháng nguyên D. Kháng sinh

Câu 12. Cho các loại bạch cầu sau:

- 1. Bạch cầu mônô
- 2. Bạch cầu trung tính
- 3. Bạch cầu ưa axit
- 4. Bạch cầu ưa kiềm
- 5. Bạch cầu limphô

Có bao nhiêu loại bạch cầu không tham gia vào hoạt động thực bào ?

- A. 4 B. 2 C. 3 D. 1

Câu 13. Trong hoạt động miễn dịch của cơ thể người, sự kết hợp của cặp nhân tố nào dưới đây diễn ra theo cơ chế chìa khoá và ổ khoá ?

- A. Kháng nguyên – kháng thể B. Kháng nguyên – kháng sinh
- C. Kháng sinh – kháng thể D. Vi khuẩn – prôtêin độc

Câu 14. Chất nào dưới đây hầu như không bị biến đổi trong quá trình tiêu hoá thức ăn?

- A. Axit nuclêic B. Lipit C. Vitamin D. Prôtêin

Câu 15. Ở người, dịch tiêu hoá từ tuyến tụy sẽ đổ vào bộ phận nào ?

- A. Thực quản B. Ruột già C. Dạ dày D. Ruột non

Câu 16. Cơ quan nào dưới đây không phải là một bộ phận của hệ tiêu hoá ?

- A. Dạ dày B. Thực quản C. Thanh quản D. Gan

Câu 17. Trong ống tiêu hoá ở người, vai trò hấp thụ chất dinh dưỡng chủ yếu thuộc về cơ quan nào ?

- A. Ruột thừa B. Ruột già C. Ruột non D. Dạ dày

Câu 18. Qua tiêu hoá, lipit sẽ được biến đổi thành

- A. glixêrin và vitamin. B. glixêrin và axit amin.
- C. nuclêôtit và axit amin. D. glixêrin và axit béo.

Câu 19. Chất nào dưới đây bị biến đổi thành chất khác qua quá trình tiêu hoá ?

- A. Vitamin B. Ion khoáng C. Gluxit D. Nước

Câu 20. Tuyến tiêu hoá nào dưới đây không nằm trong ống tiêu hoá ?

- A. Tuyến tụy B. Tuyến vị C. Tuyến ruột D. Tuyến nước bọt

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2021 - 2022
MÔN HÓA HỌC 8

A. LÝ THUYẾT

1. Các khái niệm cơ bản: Thế nào là nguyên tử? phân tử? đơn chất? hợp chất? Nguyên tố hóa học? Nguyên tử khối? Phân tử khối? đơn vị Cacbon? Mol? khối lượng mol phân tử? thể tích mol chất khí? phát biểu định luật bảo toàn khối lượng, công thức áp dụng định luật.
2. Thế nào là phản ứng hóa học? điều kiện để xảy ra phản ứng hóa học? dấu hiệu của hiện tượng và PƯHH?
3. Viết công thức biến đổi giữa khối lượng(m), lượng chất (n), và thể tích khí (V) ở ĐKTC, công thức tính tỉ khối của chất khí.
4. Các bước lập PTHH, biết vận dụng vào làm bài tập.
5. Các bước giải bài toán tính theo CTHH.
6. Thực hành: Xem lại hiện tượng các thí nghiệm đã học trong các bài thực hành.

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm:

Câu 1. Hầu hết các nguyên tử đều tạo thành từ 3 loại hạt, trong đó loại hạt mang điện là

A. hạt nhân. **B.** eletron, notron. **C.** proton, notron. **D.** proton, electron.

Câu 2. Hầu hết các nguyên tử đều tạo thành từ 3 loại hạt, trong đó loại hạt KHÔNG mang điện là

A. proton. **B.** notron. **C.** electron. **D.** hạt nhân.

Câu 3. Hóa trị của Al trong hợp chất Al_2O_3 là

A. I. **B.** II. **C.** III. **D.** IV.

Câu 4. Hóa trị của S trong hợp chất SO_3 là

A. III. **B.** VI. **C.** V. **D.** VI.

Câu 5. Công thức hóa học đúng của hợp chất tạo bởi Na và nhóm (PO_4) là

A. $NaPO_4$. **B.** Na_2PO_4 . **C.** $Na_3(PO_4)$. **D.** $Na_2(PO_4)_3$.

Câu 6. Công thức hóa học đúng của hợp chất tạo bởi Cu (II) và Cl là

A. $CuCl$. **B.** Cu_2Cl . **C.** $CuCl_2$. **D.** Cu_2Cl_2 .

Câu 7. Công thức hóa học đúng của hợp chất tạo bởi Fe (III) và nhóm (SO_4) là

A. $FeSO_4$. **B.** Fe_2SO_4 . **C.** $Fe(SO_4)_3$. **D.** $Fe_2(SO_4)_3$.

Câu 8. Công thức hóa học đúng của hợp chất tạo bởi Fe (II) và O là

A. FeO . **B.** Fe_3O_4 . **C.** Fe_2O_3 . **D.** FeO_3 .

Câu 9. Khối lượng mol phân tử HNO_3 là

A. 63 g/mol. **B.** 62 g/mol. **C.** 31 g/mol. **D.** 93 g/mol.

Câu 10. Khối lượng mol phân tử $CaCO_3$ là

A. 68 g/mol. **B.** 100 g/mol. **C.** 112 g/mol. **D.** 73 g/mol.

Câu 11. Khối lượng mol phân tử $Al_2(SO_4)_3$ là

A. 249 g/mol **B.** 324 g/mol. **C.** 294 g/mol. **D.** 342 g/mol.

Câu 12. Cho 56g kim loại Sắt (Fe) tác dụng hết với dung dịch axit clohidric (HCl) dư thu được 127g sắt (II) Clorua ($FeCl_2$) và 2g khí hiđro (H_2). Khối lượng axit clohidric đã tham gia phản ứng là

A. 69 g. **B.** 73 g. **C.** 71 g. **D.** 58 g.

Câu 13. Than cháy theo phản ứng hoá học: Cacbon + khí oxi $\rightarrow$ khí cacbonic

Cho biết khối lượng cacbon là 4,5 kg, khối lượng oxi là 12 kg. Khối lượng khí cacbonic tạo thành là:

A. 16,5 kg. **B.** 16,6 kg. **C.** 17 kg. **D.** 20 kg.

Câu 14. Số mol phân tử nước có trong 36 gam nước là

A. 4 mol. B. 6 mol. C. 1 mol. D. 2 mol.

Câu 15. Khối lượng của 2,24 lít khí oxi (đktc) là

A. 16 g. B. 1,6 g. C. 32 g. D. 3,2 g.

Câu 16. Ở đktc, thể tích của 0,15 mol khí hidro là

A. 1,12 lít. B. 2,24 lít. C. 3,36 lít. D. 6,72 lít.

Câu 17. Thể tích của 2,2 gam khí cacbon dioxit CO_2 (đktc) là

A. 1,12 lít. B. 2,24 lít. C. 3,36 lít. D. 6,72 lít.

Câu 18. Thành phần % theo khối lượng của nguyên tố oxi trong hợp chất SO_3 là

A. 40%. B. 60%. C. 33,33%. D. 66,67%.

Câu 19. Thành phần % theo khối lượng của nguyên tố nitơ trong hợp chất N_2O_5 là

A. 23%. B. 24%. C. 25%. D. 26%.

Câu 20. Cho các chất sau: NO , NO_2 , N_2O , N_2O_5 . Chất chứa hàm lượng oxi nhiều nhất là

A. NO . B. NO_2 . C. N_2O . D. N_2O_5 .

II. Tự luận:

Câu 21. Lập CTHH và tính phân tử khối của các hợp chất tạo bởi:

- a) Al với nhóm SO_4 (II) b) Ca với nhóm OH (I) c) K với nhóm NO_3 (I)
d) S (IV) với O e) Zn với nhóm SO_3 (II) f) Na với nhóm CO_3 (II)

Câu 22. Hãy lập PTHH cho các sơ đồ phản ứng sau, cho biết tỉ lệ số nguyên tử, phân tử của các chất trong phản ứng và điều kiện của phản ứng (nếu có):

- $\text{H}_2 + \text{O}_2 \rightarrow \text{H}_2\text{O}$
- $\text{Fe} + \text{O}_2 \rightarrow \text{Fe}_3\text{O}_4$
- $\text{Fe} + \text{HCl} \rightarrow \text{FeCl}_2 + \text{H}_2$
- $\text{CuO} + \text{H}_2 \rightarrow \text{Cu} + \text{H}_2\text{O}$
- $\text{NaOH} + \text{CuSO}_4 \rightarrow \text{Na}_2\text{SO}_4 + \text{Cu(OH)}_2$
- $\text{H}_2\text{SO}_4 + \text{KOH} \rightarrow \text{K}_2\text{SO}_4 + \text{H}_2\text{O}$
- $\text{AgNO}_3 + \text{BaCl}_2 \rightarrow \text{AgCl} + \text{Ba(NO}_3)_2$
- $\text{Na}_2\text{SO}_3 + \text{HCl} \rightarrow \text{NaCl} + \text{H}_2\text{O} + \text{SO}_2$
- $\text{C}_2\text{H}_6 + \text{O}_2 \rightarrow \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$
- $\text{Fe} + \text{Cl}_2 \rightarrow \text{FeCl}_3$

Câu 23. Áp dụng các công thức để:

- Tính số mol chất có trong:
a. 6,72 lít khí N_2 (ở ĐKTC) b. 9,8 gam H_2SO_4
- Tính thể tích (ở ĐKTC) của:
a. 0,15 mol khí O_2 b. 2,2 gam khí CO_2 .
- Tính khối lượng của:
a. 0,05 mol $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$ b. 3,36 lít khí CH_4 (ở ĐKTC).

Câu 24. Hãy xác định CTHH của các hợp chất sau biết:

- Hợp chất A có thành phần khối lượng: 57,5% Na, 40%O và 2,5% H. Biết PTK của A = 40 đvC.
 - Chất khí B có tỉ khối so với không khí bằng 2,76 và tỉ lệ về khối lượng các nguyên tố là $m_{\text{S}} : m_{\text{O}} = 2 : 3$
 - Hợp chất C có thành phần khối lượng 52,94%Al và 47,06%O. Biết công thức đơn giản nhất của hợp chất C cũng là CTHH.
-

NỘI DUNG ÔN TẬP THI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022
MÔN CÔNG NGHỆ 8

Phần 1. Nội dung kiến thức cần ôn tập

Ôn các bài từ bài 9 đến bài 26

Phần 2. Hình thức ra đề:

Trắc nghiệm 100% (30 câu)

Phần 3. Một số loại câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1. Có mấy loại ren?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 2. Trong các chi tiết sau, chi tiết nào *không* có ren?

- A. Đèn sợi đốt B. Đai ốc C. Bulong D. Vung nồi nhôm

Câu 3. Vòng chân ren được vẽ

- A. Cả vòng B. 1/2 vòng C. 3/4 vòng D. 1/4 vòng

Câu 4. Vật liệu kim loại được chia làm mấy loại?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 5. Thép có tỉ lệ cacbon:

- A. $< 2,14\%$ B. $\leq 2,14\%$ C. $> 2,14$ D. $\geq 2,14\%$

Câu 6. Căn cứ vào cấu tạo và tính chất, thép được chia làm mấy loại?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 7. Vật liệu cơ khí có mấy tính chất cơ bản?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 8. Đầu không phải là công dụng của thước cặp?

- A. Đo đường kính trong
B. Đo đường kính ngoài
C. Đo chiều sâu lỗ
D. Đo giá trị góc

Câu 9. Mối ghép cố định gồm mấy loại?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 10. Cho bộ truyền động đai:

Bánh A là bánh dẫn quay 250 vòng/phút.

Bánh B là bánh bị dẫn quay 400 vòng/phút.

Tỉ số truyền của bộ truyền động bằng:

- A. 1,6 B. 0,625 C. 1,5 D. 0,67

Câu 11. Cho bộ truyền động đai:

Bánh A là bánh dẫn quay 250 vòng/phút. Bánh B là bánh bị dẫn quay 400 vòng/phút.

Biết bánh A có đường kính là 600mm. Đường kính bánh B là:

- A. 375mm B. 960mm C. 400mm D. 900mm

Câu 12. Cho bộ truyền động đai hoạt động theo sơ đồ sau:

Bánh A là bánh quay trước 500 vòng/phút. Bánh B là bánh quay theo 200 vòng/phút.

Biết bánh B có đường kính là 600mm. Đường kính bánh A là:

- A. 1500mm B. 240mm C. 280mm D. 900mm

Câu 13. Trong công thức tính tỉ số truyền của bộ truyền động ăn khớp, Z_1 là gì?

- A. tốc độ quay của bánh dẫn B. số răng của bánh dẫn
C. tốc độ quay của bánh bị dẫn D. số răng của bánh bị dẫn

Câu 14. Cho bộ truyền động xích của xe đạp theo sơ đồ sau:

Đĩa xích có 50 răng, đĩa líp có 20 răng. Tỉ số truyền là:

- A. 1,5 B. 2,5 C. 0,4 D. 1,4

Câu 15. Cho bộ truyền động bánh răng hoạt động theo sơ đồ sau:

Bánh A quay 120 vòng/phút. Bánh B quay 360 vòng/phút. Khi hoạt động, bánh B là bánh quay trước. Tính tỉ số truyền và cho biết bộ truyền động tăng hay giảm tốc?

- A. $1/3$; giảm tốc B. $1/3$; tăng tốc
C. 3; giảm tốc C. 3; tăng tốc

Câu 16. Mỗi ghép không tháo được gồm mấy loại?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 17. Đặc điểm mỗi ghép bằng đinh tán là:

- A. Vật liệu tấm có thể hàn
B. Mỗi ghép không chịu được nhiệt độ cao
C. Mỗi ghép phải chịu được lực lớn và chấn động mạnh
D. Mỗi ghép không chịu được lực lớn và chấn động mạnh

Câu 18. Đâu không phải là ứng dụng của mỗi ghép bằng đinh tán:

- A. ứng dụng trong khung xe đạp
B. Ứng dụng trong giàn cần trục
C. Ứng dụng trong các dụng cụ sinh hoạt gia đình
D. Ứng dụng trong kết cấu cầu

Câu 19. Có mấy loại mỗi ghép bằng ren?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 20. Mỗi ghép vít cấy có chi tiết nào sau đây?

- A. Đai ốc
B. Vòng đệm
C. Bu lông
D. Vít cấy

Câu 21. Mỗi ghép tháo được có mấy loại?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 22. Hình chiếu trên mặt phẳng vuông góc với trục quay của hình trụ là

- A. hình chữ nhật C. tam giác vuông
B. tam giác cân D. hình tròn

Câu 23. Hình nón có hình chiếu đứng là tam giác cân, hình chiếu bằng là:

- A. Tam giác B. Tam giác cân C. Hình tròn D. Hình chữ nhật

Câu 24. Cấu tạo bộ truyền động đai có mấy bộ phận?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 25. Cấu tạo bộ truyền động bánh răng gồm mấy bộ phận?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 26. Trong máy khâu, muốn may được vải thì kim máy phải chuyển động:

- A. Thăng lên xuống
B. Thăng từ dưới lên theo một chiều
C. Thăng từ trên xuống theo một chiều
D. Tròn

Câu 27. Cơ cấu tay quay – con trượt thuộc cơ cấu:

- A. Biến chuyển động quay thành chuyển động tịnh tiến
B. Biến chuyển động tịnh tiến thành chuyển động quay
C. Biến chuyển động quay thành chuyển động lắc
D. Biến chuyển động lắc thành chuyển động quay

Câu 28. Cơ cấu tay quay – thanh lắc thuộc cơ cấu:

- A. Biến chuyển động quay thành chuyển động tịnh tiến
B. Biến chuyển động quay thành chuyển động lắc

C. Biến chuyển động tịnh tiến thành chuyển động quay

D. Biến chuyển động lắc thành chuyển động quay

Câu 29. Trong cơ cấu tay quay – thanh lắc, khâu dẫn là cách gọi khác của:

A. Tay quay

B. Thanh truyền

C. Thanh lắc

D. Giá đỡ

Câu 30. Cấu tạo cơ cấu tay quay – thanh lắc gồm mấy bộ phận?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

NỘI DUNG ÔN TẬP THI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022 MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 8

Nội dung ôn tập kiểm tra : **Đá cầu**

+ Kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện bằng mu bàn chân.

Mức độ ĐẠT: Học sinh thực hiện đúng đúng kỹ thuật động tác.

Mức độ CHƯA ĐẠT: Học sinh không thực hiện đúng kỹ thuật động tác.

NỘI DUNG ÔN TẬP THI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022 MÔN GIÁO DỤC ÂM NHẠC 8

1-hát:Mùa thu ngày khai trường

2-hát:Lý đĩa bánh bò

3-hát: Tuổi hồng

4-Tập đọc nhạc số 1, 2, 3, 4

NỘI DUNG ÔN TẬP THI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022 MÔN GIÁO DỤC MỸ THUẬT 8

I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

HS ôn tập các thể loại tranh theo đề tài.

II. ĐỀ TÀI:

1. *Tranh vẽ minh họa truyện cổ tích*

2. *Tranh đề tài học tập*

3. *Tranh đề tài an toàn giao thông*

4. *Tranh tĩnh vật*

5. *Vẽ trang trí*

6. *Tranh đề tài tự do*

7. *Tranh đề tài gia đình*

NỘI DUNG ÔN TẬP THI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022
MÔN GIÁO DỤC TOÁN 8

Phần 1. Trắc nghiệm.

Câu 1: Kết quả của phép tính $(xy+5)(xy-1)$ là

- A. $x^2y^2 + 4xy - 5$. B. $xy^2 - 4xy - 5$.
C. $x^2 - xy - 1$. D. $x^2 + 2xy + 5$.

Câu 2: Giá trị của biểu thức $5x^2 - [4x^2 - 3x(x-2)]$ tại $x = \frac{1}{2}$ là

- A. -3. B. 3. C. -2. D. 4.

Câu 3: Kết quả phân tích đa thức $x^3 - 4x$ thành nhân tử là

- A. $x(x^2 + 4)$. B. $x(x-2)(x+2)$. C. $x(x+2)$. D. $x(x-2)$.

Câu 4: Đơn thức $-8x^3y^2z^3t^2$ chia hết cho đơn thức nào?

- A. $2x^3y^3z^3t^3$. B. $4x^4y^2zt$. C. $9x^3yz^2t$. D. $2x^3y^2z^2t^3$.

Câu 5: Kết quả của phép chia $(2x^3 - 5x^2 + 6x - 15) : (2x - 5)$ là

- A. $x + 3$. B. $x - 3$. C. $x^2 - 3$. D. $x^2 + 3$.

Câu 6: Tập hợp tất cả giá trị của $n \in \mathbb{Z}$ để $2n^2 + n - 7$ chia hết cho $n - 2$ là

- A. $n \in \{1; 3; 5\}$. B. $n \in \{-1; 1; 3\}$. C. $n \in \{-1; 1; 3; 5\}$. D. $n \in \{-1; 3; 5\}$.

Câu 7: Kết quả rút gọn phân thức $\frac{14xy^5(2x-3y)}{21x^2y(2x-3y)^2}$ là

- A. $\frac{2y^4}{3x(2x-3y)}$. B. $2y^4$.
C. $3x(2x-3y)$. D. $\frac{3x(2x-3y)}{2y^4}$.

Câu 8: Mẫu thức chung của hai phân thức $\frac{25}{14x^2y}$ và $\frac{14}{21xy^5}$ là

- A. x^2y . B. x^2y^5 . C. $42xy$. D. $42x^2y^5$.

Câu 9: Giá trị của a để đa thức $x^2 + 12x + a$ chia hết cho đa thức $x + 2$ là

- A. 8. B. 20. C. -20. D. -8.

Câu 10: Kết quả rút gọn của biểu thức $(2x+y)^2 - (2x-y)^2$ là

- A. $2y^2$. B. $4xy$. C. $4x^2$. D. $8xy$.

Câu 11: Kết quả phân tích đa thức $-x^2 - 2x + 8$ thành nhân tử là

- A. $(x+2)(x+4)$. B. $(-x+2)(x+4)$.
C. $(4-x)(x+2)$. D. $(x-2)(x-4)$.

Câu 12: Đa thức M trong đẳng thức $\frac{x^2-2}{x+1} = \frac{M}{2x+2}$ là

- A. $2x^2 - 2$. B. $2x^2 - 4$. C. $2x^2 + 2$. D. $2x^2 + 4$.

Câu 13: Cặp phân thức nào sau đây không bằng nhau?

- A. $\frac{20xy}{28x}$ và $\frac{5y}{7}$. B. $-\frac{1}{2}$ và $\frac{15x}{-30x}$.

C. $\frac{7}{28x}$ và $\frac{5y}{20xy}$.

D. $-\frac{1}{15x}$ và $\frac{-2}{-30x}$.

Câu 14: Kết quả rút gọn phân thức $\frac{x^2 - xy}{5y^2 - 5xy}$ là

A. $\frac{x^2}{5y^2 + 5}$.

B. $-\frac{1}{5}$.

C. $\frac{-x}{5y}$.

D. $\frac{-2x}{5y}$.

Câu 15: Khai triển hằng đẳng thức $(a+b)^3$ ta được

A. $a^3 + 3ab^2 - 3a^2b + b^3$.

B. $a^3 + 3a^2b + 3ab^2 + b^3$.

C. $a^3 + a^2b + ab^2 + b^3$.

D. $a^3 + 2a^2b + 2ab^2 + b^3$.

Câu 16: Khai triển hằng đẳng thức $a^3 - b^3$ ta được

A. $(a-b)(a^2 - ab + b^2)$.

B. $(a-b)(a^2 + ab - b^2)$.

C. $(a-b)(a^2 + ab + b^2)$.

D. $(a+b)(a^2 - ab + b^2)$.

Câu 17: Giá trị của biểu thức $\frac{2(x-y)}{x+y}$ tại $x = -4; y = 2$ là

A. -6.

B. -2.

C. 2.

D. 6.

Câu 18: Mẫu thức chung bậc nhỏ nhất của các phân thức $\frac{4x^2}{x^3 - 1}, \frac{2x-1}{x^2 + x + 1}, \frac{6}{x-1}$ là

A. $x^3 - 1$.

B. $(x^3 - 1)(x^2 + x + 1)$.

C. $(x-1)^3$.

D. $(x^3 - 1)^2(x^2 + x + 1)$.

Câu 19: Điều kiện xác định của phân thức $\frac{3x-1}{9x^2-1}$ là

A. $x \neq \frac{1}{3}$.

B. $x \neq -\frac{1}{3}$.

C. $x \neq 9$.

D. $x \neq \frac{1}{3}$ và $x \neq -\frac{1}{3}$.

Câu 20: Kết quả của phép tính $\frac{x^2-2}{x(x-1)^2} + \frac{2-x}{x(x-1)^2}$ là

A. $\frac{1}{x-1}$.

B. $x-1$.

C. 1.

D. $\frac{x-1}{x}$.

Câu 21: Kết quả của phép tính $\frac{25x^2}{17y^4} \cdot \frac{34y^5}{15x^3}$ là

A. $\frac{10x}{3y}$.

B. $\frac{10y}{3x}$.

C. $\frac{10xy}{3}$.

D. $\frac{10x+y}{3xy}$.

Câu 22: Điều kiện xác định của biểu thức $\left(\frac{x+1}{x-3} - \frac{x-1}{x+3}\right) \frac{x^2-6x+9}{8x}$ là

A. $x \neq -3, x \neq 0$.

B. $x \neq 3$.

C. $x \neq 0$.

D. $x \neq 3, x \neq 0, x \neq -3$.

Câu 23: Biểu thức thích hợp phải điền vào chỗ trống $\frac{x^2+8x+15}{x^2-9} = \frac{\dots}{x-3}$ để được một đẳng thức đúng là

A. $x+5$.

B. $x-5$.

C. $5x$.

D. $x-3$.

Câu 24: Hình nào sau đây là hình vuông?

A. Hình thang cân có một góc vuông.

B. Hình thoi có một góc vuông.

C. Tứ giác có 3 góc vuông.

D. Hình bình hành có một góc vuông.

Câu 25: Cho hình thang vuông $ABCD$, biết $A=90^\circ, D=90^\circ$, lấy điểm M thuộc cạnh DC sao cho $\triangle BMC$ là tam giác đều. Số đo $\angle ABC$ là
A. 60° . **B.** 120° . **C.** 130° . **D.** 150° .

Câu 26: Số đo mỗi góc của hình lục giác đều là

A. 102° . **B.** 60° . **C.** 72° . **D.** 120° .

Câu 27: Diện tích của hình chữ nhật thay đổi như thế nào nếu chiều dài tăng 3 lần và chiều rộng giảm đi 3 lần?

A. Diện tích không đổi. **B.** Diện tích tăng lên 3 lần.

C. Diện tích giảm đi 3 lần.

D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 28: Cho tam giác ABC đối xứng với tam giác $A'B'C'$ qua O , biết tam giác ABC có chu vi là 48cm khi đó chu vi của tam giác $A'B'C'$ có giá trị là

A. 24cm. **B.** 32cm.

C. 40cm.

D. 48cm.

Câu 29: Trong các dấu hiệu sau, dấu hiệu nào sai?

A. Hình bình hành có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường là hình chữ nhật.

B. Tứ giác có ba góc vuông là hình chữ nhật.

C. Hình thang cân có một góc vuông là hình chữ nhật.

D. Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật.

Câu 30: Hai đường chéo của một hình thoi bằng 8cm và 10cm. Độ dài cạnh của hình thoi là

A. 6cm. **B.** $\sqrt{41}$ cm.

C. $\sqrt{164}$ cm.

D. 9cm.

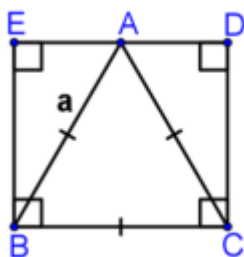
Câu 31: Hình thang $ABCD$ ($AB \parallel CD$) có $AB=12$ cm, $CD=16$ cm. Độ dài đường trung bình của hình thang $ABCD$ là

A. 12cm. **B.** 13cm.

C. 14cm.

D. 15cm.

Câu 32: Cho $\triangle ABC$ đều có cạnh bằng a . Diện tích tứ giác $BCDE$ (S_{BCDE}) là



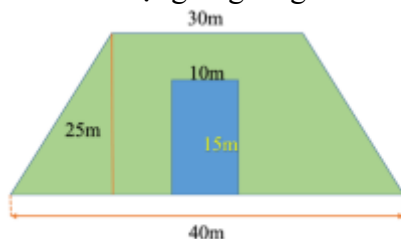
A. $S_{BCDE} = \frac{a^2\sqrt{3}}{2}$.

B. $S_{BCDE} = a^2\sqrt{3}$.

C. $S_{BCDE} = \frac{3a^2}{4}$.

D. $S_{BCDE} = \frac{a^2\sqrt{3}}{4}$.

Câu 33: Một ngôi nhà có bãi cỏ bao quanh như hình 1. Nếu một túi hạt giống cỏ gieo vừa đủ trên $25m^2$ đất, thì cần bao nhiêu túi hạt giống để gieo hết bãi cỏ?



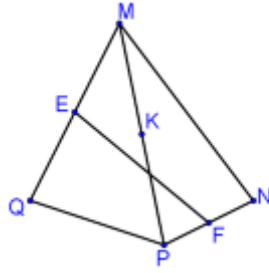
Hình 1

A. 22.. **B.** 25.

C. 29.

D. 30.

Câu 34: Cho tứ giác $MNPQ$ (hình bên). Ba điểm E, F, K lần lượt là trung điểm của MQ, NP và MP .



Kết luận nào sau đây là đúng?

A. $EF = \frac{MN + PQ}{2}$.

B. $EF \leq \frac{MN + PQ}{2}$.

C. $EF < \frac{MN + PQ}{2}$.

D. $EF > \frac{MN + PQ}{2}$.

Câu 35: Dấu hiệu nhận biết hình chữ nhật là

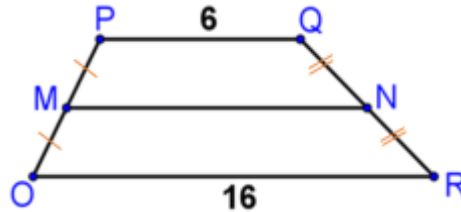
A. Tứ giác có hai đường chéo bằng nhau.

B. Hình bình hành có một góc vuông.

C. Hình thang có một góc vuông.

D. Hình thang có hai góc vuông.

Câu 36: Cho hình bên. Độ dài đường trung bình của hình thang là



A. 22..

B. 22, 5.

C. 11.

D. 10.

Câu 37: Dấu hiệu nhận biết hình vuông là

A. Tứ giác có ba góc vuông.

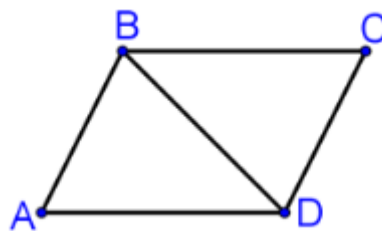
B. Hình bình hành có một góc vuông.

vuông.

C. Hình thang có hai góc vuông.

D. Hình thoi có một góc vuông.

Câu 38: Chu vi của hình bình hành $ABCD$ bằng 16cm, chu vi tam giác ABD bằng 14cm (hình bên). Độ dài cạnh BD là



A. 1cm.

B. 2cm.

C. 6cm.

D. 9cm.

Câu 39: Khẳng định nào sau đây là sai?

A. Tứ giác có hai đường chéo vuông góc với nhau tại trung điểm mỗi đường là hình thoi.

B. Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường là hình bình hành.

C. Hình chữ nhật có hai đường chéo bằng nhau là hình vuông.

D. Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình vuông.

Câu 40: Cho hình thang cân $ABCD$ ($AB \parallel CD$) có $D = 60^\circ$. Số đo của A bằng bao nhiêu?

A. $A = 90^\circ$.

B. $A = 60^\circ$.

C. $A = 120^\circ$.

D. $A = 80^\circ$.

Câu 41: Cho tam giác ABC vuông tại A , $AC = 3\text{cm}$, $BC = 5\text{cm}$. Diện tích của tam giác ABC là

A. 6cm^2 .

B. 10cm^2 .

C. 12cm^2 .

D. 15cm^2 .

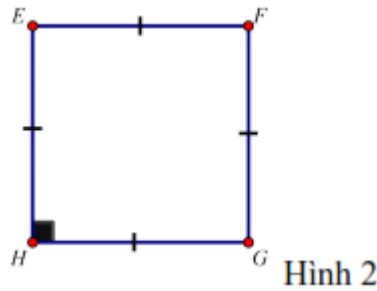
Câu 42: Độ dài hai đường chéo của một hình thoi bằng 4cm, 6cm. Độ dài cạnh hình thoi là

A. 13cm . B. $\sqrt{13}$ cm .

C. 52cm .

D. $\sqrt{52}$ cm .

Câu 43: Tứ giác $EFGH$ ở Hình 2 là hình vuông theo dấu hiệu nhận biết nào sau đây?



Hình 2

A. Tứ giác có hai đường chéo bằng nhau.

B. Hình thoi có một góc vuông.

C. Hình thoi có hai đường chéo bằng nhau.

D. Tứ giác có một góc vuông.

Câu 44: Chọn khẳng định SAI?

A. Tứ giác có 4 cạnh bằng nhau là hình thoi.

B. Tứ giác có hai đường chéo vuông góc với nhau và bằng nhau là hình thoi.

C. Hình bình hành có đường chéo là phân giác của một góc là hình thoi.

D. Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình thoi.

Câu 45: Hình thoi không có tính chất nào dưới đây?

A. Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

B. Hai đường chéo là các đường phân giác của các góc của hình thoi.

C. Hai đường chéo bằng nhau.

D. Hai đường chéo vuông góc với nhau.

Phần 2. Tự luận

DẠNG 1: BIẾN ĐỔI ĐỒNG NHẤT ĐƠN THỨC ĐA THỨC

Bài 1: Rút gọn các biểu thức sau:

a) $(6x+1)^2 + (6x-1)^2 - 2(1+6x)(6x-1)$

b) $3x(x-2) - 5x(1-x) - 8(x^2-3)$

c) $(7x-3)(2x+1) - (5x-2)(x+4) - 9x^2 + 17x$

d) $(6x-5)(x+8) - (3x-1)(2x+3) - 9(4x-3)$

e) $-3x(x+2)^2 + (x+3)(x-1)(x+1) - (2x-3)^2$

f) $2x(x-4)^2 - (x+5)(x-2)(x+2) + 2(x-5)^2 - (x-1)^2$

g) $(x-2)(x^2+2x+4) - (x-1)^3 + 7$

h) $x(x-2)(x+2) + (x+3)(x^2-3x+9)$

i) $(3x+2)^3 - 18x(3x+2) + (x-1)^3 - 28x^3 + 3x(x-1)$.

Bài 2: Phân tích các đa thức sau thành nhân tử

1) $x^2 - y^2 - 2x + 2y$

2) $2x + 2y - x^2 - xy$

3) $3a^2 - 6ab + 3b^2 - 12c^2$

4) $x^2 - 25 + y^2 + 2xy$

5) $a^2 + 2ab + b^2 - ac - bc$

6) $x^2 - 2x - 4y^2 - 4y$

7) $x^2y - x^3 - 9y + 9x$

8) $x^2(x-1) + 16(1-x)$

- 9) $3x^2 - 6x + 9x^2$
- 10) $10x(x - y) - 6y(y - x)$
- 11) $3x^2 + 5y - 3xy - 5x$
- 12) $x^5 - 3x^4 + 3x^3 - x^2$
- 13) $(x^2 + 1)^2 - 4x^2$
- 14) $x^2 - 4x - 5$
- 15) $x^2 + 8x + 15$
- 16) $81x^4 - 4$
- 17) $2x^2 + 3x - 5$
- 18) $16x - 5x^2 - 3$.

Bài 3: Tìm x , biết:

- a) $(x+1)(x+3) - x(x+2) = 7$
- b) $2x(3x+5) - x(6x-1) = 33$
- c) $(3x^2 - x + 1)(x-1) + x^2(4-3x) = \frac{5}{2}$
- d) $(12x-5)(4x-1) + (3x-7)(1-16x) = 81$
- e) $(x-3)(x^2 + 3x + 9) + x(5-x^2) = 6x$
- f) $(x-2)^3 - x(x+1)(x-1) + 6x^2 = 5$
- g) $(x-2)^3 - (x+5)(x^2 - 5x + 25) + 6x^2 = 11$
- h) $(x+3)^3 - x(3x+1)^2 + (2x+1)(4x^2 - 2x + 1) - 3x^2 = 54$.

Bài 4: Làm tính chia

- 1) $(x^3 - 3x^2 + x - 3) : (x - 3)$
- 2) $(2x^4 - 5x^2 + x^3 - 3 - 3x) : (x^2 - 3)$
- 3) $(x - y - z)^5 : (x - y - z)^3$
- 4) $(x^2 + 2x + x^2 - 4) : (x + 2)$
- 5) $(2x^3 + 5x^2 - 2x + 3) : (2x^2 - x + 1)$
- 6) $(2x^3 - 5x^2 + 6x - 15) : (2x - 5)$.

Bài 5:

- 1) Tìm n để đa thức $x^4 - x^3 + 6x^2 - x + n$ chia hết cho đa thức $x^2 - x + 5$.
- 2) Tìm n để đa thức $3x^3 + 10x^2 - 5 + n$ chia hết cho đa thức $3x + 1$.
- 3) Tìm tất cả các số nguyên n để $2n^2 + n - 7$ chia hết cho $n - 2$.

DẠNG 2: BIẾN ĐỔI ĐỒNG NHẤT PHÂN THỨC ĐẠI SỐ

Bài 6: Cho biểu thức: $P = \frac{1}{x+5} + \frac{2}{x-5} - \frac{2x+10}{(x+5)(x-5)}$ ($x \neq 5; x \neq -5$)

- a) Rút gọn biểu thức P .
- b) Cho $P = -3$. Tính giá trị của biểu thức $Q = 9x^2 - 42x + 49$.

Bài 7: Cho biểu thức: $P = \frac{3}{x+3} + \frac{1}{x-3} - \frac{18}{9-x^2}$ ($x \neq 3; x \neq -3$)

- a) Rút gọn biểu thức P .
- b) Tìm giá trị của x để $P = 4$.

Bài 8: Cho biểu thức: $A = \frac{x^2}{x^2 - 4} - \frac{x}{x-2} + \frac{2}{x+2}$ ($x \neq 2; x \neq -2$)

- a) Rút gọn biểu thức A .
 c) Tìm giá trị của biểu thức A tại $x = 1$.

Bài 9: Cho biểu thức: $P = \frac{2}{2x+3} + \frac{3}{2x+1} - \frac{6x+5}{(2x+3)(2x+1)}$

- a) Tìm điều kiện xác định của P .
 b) Rút gọn biểu thức P .
 c) Tìm giá trị của x để $P = -1$.

Bài 10: Cho biểu thức: $P = \frac{x^2+2x}{2x+10} + \frac{x-5}{x} + \frac{50-5x}{2x(x+5)}$ ($x \neq 0; x \neq -5$) .

- a) Rút gọn biểu thức P .
 b) Tìm giá trị của x để $P = 0; P = \frac{1}{4}$.
 c) Tìm giá trị của x để $P > 0; P < 0$.

Bài 11: Cho biểu thức $P = \frac{x+2}{x+3} - \frac{5}{x^2+3x-2x-6} + \frac{1}{2-x}$ ($x \neq 3; x \neq 2$)

- a) Rút gọn biểu thức P .
 b) Tìm x để $P = \frac{-3}{4}$.
 c) Tìm các giá trị nguyên của x để biểu thức P cũng có giá trị nguyên.
 d) Tính giá trị của biểu thức P khi $x^2 - 9 = 0$.

DẠNG 3: BÀI TOÁN HÌNH TỔNG HỢP

Bài 17: Cho ΔABC vuông tại A , đường trung tuyến AM . Gọi H là điểm đối xứng của M qua AB , E là giao điểm của MH và AB . Gọi K là điểm đối xứng của M qua AC , F là giao điểm của MK và AC .

- a) Tứ giác $AEMF$ là hình gì? Vì sao?
 b) Tứ giác $AMBH$ là hình gì? Vì sao?
 c) Chứng minh H đối xứng với K qua A ?
 d) Tam giác ABC có thêm điều kiện gì để tứ giác $AEMF$ là hình vuông?

Bài 18: Cho tam giác MNP vuông tại N . Biết $MN = 6\text{cm}; NP = 8\text{cm}$; đường cao NH . Qua H kẻ $HH' \perp MN, HD \perp NP$.

- a) Chứng minh tứ giác $HDNC$ là hình chữ nhật.
 b) Chứng minh: $NH.MP = MN.NP$.
 c) Tính độ dài CD .
 d) Tính diện tích tam giác NMH .

Bài 19: Cho tam giác ABC vuông tại C . Gọi D là trung điểm của AB . kẻ DM vuông góc với AC ($M \in AC$). Gọi E là điểm đối xứng với D qua BC , DE cắt BC tại N .

- a) Chứng minh tứ giác $CMDN$ là hình chữ nhật.
 b) Tứ giác $BDCE$ là hình gì? Vì sao?
 c) Chứng minh: $S_{ABC} = 2S_{CMDN}$.
 d) Tam giác ABC cần có thêm điều kiện gì để tứ giác $ABEC$ là hình thang cân?

Bài 20: Cho tam giác ABC vuông tại A , đường cao AH . Kẻ $HD \perp AB$ và $HE \perp AC$ ($D \in AB, E \in AC$). Gọi O là giao điểm của AH và DE .

- a) Chứng minh $AH = DE$.
 b) Gọi P và Q lần lượt là trung điểm của BH và CH . Chứng minh tứ giác $DEQP$ là hình thang vuông.
 c) Chứng minh O là trực tâm tam giác ABQ .
 d) Chứng minh $S_{ABC} = 2S_{DEQP}$.

Bài 21: Cho hình vuông $ABCD$, M là trung điểm của AB , P là giao điểm của hai tia CM và DA .

a) Chứng minh tứ giác $APBC$ là hình bình hành và tứ giác $BCDP$ là hình thang vuông.

b) Chứng minh $2S_{BCDP} = 3S_{APBC}$.

c) Gọi N là trung điểm BC , Q là giao điểm của DN và CM . Chứng minh $AQ = AB$.

Bài 22: Cho hình bình hành $ABCD$ có $AB = 8\text{cm}$, $AD = 4\text{cm}$. Gọi M, N lần lượt là trung điểm của AB và CD .

a) Chứng minh tứ giác $AMCN$ là hình bình hành. Hỏi tứ giác $AMND$ là hình gì?

b) Gọi I là giao điểm của AN và DM , K là giao điểm của BN và CM . Tứ giác $MINK$ là hình gì?

c) Chứng minh $IK \parallel CD$.

d) Hình bình hành $ABCD$ cần thêm điều kiện gì thì tứ giác $MINK$ là hình vuông? Khi đó, diện tích của $MINK$ bằng bao nhiêu?

Bài 23: Cho tam giác ABC cân tại A , có $AB = 5\text{cm}$, $BC = 6\text{cm}$, phân giác AM ($M \in BC$). Gọi O là trung điểm của AC , K là điểm đối xứng với M qua O .

a) Tính diện tích tam giác ABC .

b) Chứng minh $AK \parallel MC$.

c) Tứ giác $AMCK$ là hình gì? Vì sao?

d) Tam giác ABC có thêm điều kiện gì thì tứ giác $AMCK$ là hình vuông?

Bài 24: Cho tam giác ABC vuông tại A , E là một điểm thuộc cạnh BC . Gọi D, F lần lượt là các điểm đối xứng với E qua AB, AC .

a) Chứng minh D và F đối xứng với nhau qua A .

b) Tam giác DEF là tam giác gì? Vì sao?

c) Chứng minh $BC = BD + CF$.

d) Tứ giác $BDFC$ là hình gì? Vì sao?

e) Điểm E ở vị trí nào trên cạnh BC để tứ giác $BDFC$ là hình bình hành?

f) Tam giác vuông ABC có thêm điều kiện gì và khi đó E ở vị trí nào trên cạnh BC để tứ giác $BDFC$ là hình chữ nhật?

Bài 25: Cho hình bình hành $ABCD$, $AB = 2AD$. Gọi P, Q lần lượt là trung điểm của AB và CD .

a) Tứ giác $APQD$ là hình gì? Vì sao?

b) Gọi I là giao điểm của AQ và PD , gọi K là giao điểm của BQ và CP . Chứng minh tứ giác $IPKQ$ là hình chữ nhật.

c) Chứng minh $IK = AD$ và $IK \parallel AB$.

d) Hình bình hành $ABCD$ phải có thêm điều kiện gì để $IPKQ$ là hình vuông?

DẠNG 4: BÀI TẬP NÂNG CAO

Bài 26: Cho $a^3 + b^3 + c^3 = 3abc$ và $a + b + c \neq 0$.

Tính giá trị của biểu thức: $N = \frac{a^2 + b^2 + c^2}{(a + b + c)^2}$.

Bài 26: Cho $a + b + c = 0$; $x + y + z = 0$; $\frac{a}{x} + \frac{b}{y} + \frac{c}{z} = 0$.

Chứng minh rằng: $ax^2 + by^2 + cz^2 = 0$.

Bài 27: Cho các số x, y thỏa mãn đẳng thức: $5x^2 + 5y^2 + 8xy + 2x - 2y + 2 = 0$.

Tính giá trị của biểu thức: $M = (x + y)^{2010} + (x + 2)^{2011} + (y - 1)^{2012}$.

Bài 28: Cho $a + b = 1$.

Tính giá trị của các biểu thức sau: $M = a^3 + b^3 + 3ab(a^2 + b^2) + 6a^2b^2(a + b)$.

Bài 29: Cho $xyz = 2020$

Chứng minh rằng: $\frac{2020x}{xy + 2020x + 2020} + \frac{y}{yz + y + 2020} + \frac{z}{xz + z + 1} = 1.$

Bài 30: Cho a, b, c khác 0 và $a + b + c = 0$.

Rút gọn biểu thức: $A = \frac{a^2}{a^2 - b^2 - c^2} + \frac{b^2}{b^2 - c^2 - a^2} + \frac{c^2}{c^2 - a^2 - b^2}.$

A. VOCABULARY AND GRAMMAR

- Verbs of liking + gerunds
- Verbs of liking + to-infinitives
- Comparative forms of adjectives: review
- Comparative forms of adverbs
- Questions: review
- Articles (some uses)
- *Should* and *shouldn't*: review
- *Have to*

- Simple sentences and compound sentences: review
- Complex sentences
- Past Simple: review
- Past continuous
- Sound: cluster /br/, /pr/, /bl/, /cl/, /sk/, /sp/, /st/, /spr/, /str/
- Stress of words ending in *-ion* and *-ian*
- Intonation in exclamatory sentences
- Vocabulary in Unit 1 – Unit 6

B. EXERCISES**I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others**

- | | | | |
|--------------------------|------------------------|------------------------|---------------------|
| 1. A. <u>celebrate</u> | B. <u>de</u> test | C. <u>e</u> thnic | D. <u>ce</u> remony |
| 2. A. <u>hun</u> t | B. <u>u</u> nique | C. re <u>u</u> nion | D. <u>cu</u> rious |
| 3. A. altho <u>ugh</u> | B. eno <u>ugh</u> | C. cou <u>gh</u> | D. la <u>ugh</u> |
| 4. A. <u>ca</u> ke | B. <u>la</u> ke | C. br <u>a</u> celet | D. <u>pa</u> sture |
| 5. A. <u>bu</u> ffalo | B. dist <u>ur</u> b | C. <u>c</u> ulture | D. <u>hur</u> ry |
| 6. A. nom <u>a</u> dic | B. <u>c</u> attle | C. <u>h</u> ard | D. <u>a</u> ctivity |
| 7. A. <u>pa</u> sture | B. <u>po</u> ster | C. <u>s</u> ticker | D. <u>fi</u> rst |
| 8. A. <u>sh</u> out | B. <u>sou</u> thern | C. acc <u>ou</u> nt | D. <u>pl</u> ough |
| 9. A. <u>ca</u> rnival | B. <u>la</u> ntern | C. <u>a</u> nniversary | D. <u>a</u> ncessor |
| 10. A. her <u>i</u> tage | B. special <u>i</u> ty | C. <u>r</u> itual | D. <u>u</u> nity |

II. Choose the word that is stressed differently from that of the other words.

- | | | | |
|----------------------|------------------|------------------|-----------------|
| 1. A. vegetarian | B. musician | C. magician | D. historian |
| 2. A. comparison | B. communication | C. socialization | D. organization |
| 3. A. entertainment | B. comfortable | C. temperature | D. ceremony |
| 4. A. decorate | B. museum | C. heritage | D. cultural |
| 5. A. generous | B. colorful | C. appearance | D. interest |
| 6. A. costume | B. minor | C. ethnic | D. avoid |
| 7. A. enjoy | B. belong | C. behave | D. worship |
| 8. A. alternate | B. entertain | C. cultivate | D. symbolize |
| 9. A. slowly | B. cloudy | C. unique | D. harmful |
| 10. A. recognition | B. animation | C. contribution | D. attention |
| 11. A. mathematician | B. explosion | C. technician | D. consumption |
| 12. A. Brazilian | B. librarian | C. Indonesian | D. physician |

III. Choose the correct option for each gap to complete the sentences.

- The farmer rides the buffalo - _____ carts loaded full of rice home.
A. draw B. drawing C. drew D. drawn
- He didn't mind _____ me from the airport last night.
A. pick up B. picked up C. picking up D. picks up
- Using computers too much may have harmful effects _____ your minds and bodies.
A. on B. to C. with D. onto
- People in the countryside live _____ than those in the city.
A. happier B. happily C. happy D. more happily
- It takes 8.5 minutes for light to travel from _____ Sun to _____ Earth.
A. x - x B. the - an C. the - the D. a - the
- I love the people in my village. They are so _____ and hospitable.
A. friendly B. vast C. slow D. inconvenient

7. You should _____ information about a custom or tradition.
A. finds B. found C. finding D. find
8. A custom is something that has become an _____ way of doing things.
A. to be accept B. to accept C. accepting D. accepted
9. In the UK, there are lots of customs for table manners. For example, we _____ use a knife and fork at dinner.
A. have to B. are having C. has to D. having to
10. In Viet Nam, you _____ use only the first name to address people that are older than you.
A. should B. must C. shouldn't D. have to
11. At the Mid-Autumn Festival, kids can sing, dance, and enjoy moon-cakes; _____, every child likes it very much.
A. however B. moreover C. because D. therefore
12. In 2010, Hanoi _____ its 1000th anniversary.
A. celebrated B. commemorated C. worshipped D. remembered
13. Tet is an occasion for family _____ in Viet Nam.
A. visiting B. meetings C. reunions D. seeing
14. _____ spring comes, many Vietnamese villages prepare for a new festival season.
A. While B. When C. Nevertheless D. However
15. While I _____ the performance, I met one of my old friends.
A. watched B. was watching C. watch D. am watching
16. You should buy the blue sweater. It suits you _____ than the red one.
A. good B. well C. better D. the best
17. The _____ of *quan ho* singing has been recognized as a world heritage.
A. preservation B. procession C. song D. performance
18. Saint *Giong* was unable to talk, smile, or walk _____ he was three years old.
A. even though B. because C. while D. if
19. Lang Lieu couldn't buy any special food _____ he was very poor.
A. although B. when C. while D. because
20. The toad was very _____ because he tried to find way to the heaven to sue God.
A. brave B. kind C. generous D. mean
21. Last year, my family _____ tradition and travelled abroad during Tet holiday.
A. broke with B. passed down C. handed up D. kept on
22. The Mountain Spirits (Son Tinh) was very _____, but the Sea Spirit (Thuy Tinh) was _____.
A. gentle-wise B. fierce-gentle C. gentle-fierce D. wicked-ugly
23. It is the _____ for Australians to eat with their fingers at barbecues or picnics outside the home.
A. habit B. belief C. custom D. tradition
24. _____ you take the fruit, you should think of the growers.
A. Although B. However C. When D. While
25. The girl was crying when a fairy _____.
A. appears B. was appearing C. appeared D. is appearing

* CLOSEST MEANING

26. Many ethnic groups have very **simple** ways of farming.
A. complicated B. poor C. uncomplicated D. rich
27. Some fields are planted with crops, then returned to **grasslands** for cattle.
A. fields B. gers C. shelters D. pastures
28. We all hope that our future public transport will bring **convenience** to modern life.
A. comfort B. trouble C. difficulty D. disadvantage

* OPPOSITE MEANING

29. There used to be **vast** areas of rainforests in the south of the country.
A. large B. huge C. limited D. remote
30. Travelling to Ha Long Bay is one of our **memorable** experiences.

A. forgettable B. unforgettable C. suitable D. unsuitable

31. It's **hard** to explain on the phone.

A. simple B. difficult C. interesting D. funny

*** EVERYDAY ENGLISH**

32. –“The fresh air and the feeling of freedom in the countryside is wonderful” -
“.....”

A. No, city life is very good. B. Yes, I hope so
C. You can say that again D. It's hard to say.

33. –“Do you like collecting honey?” - “.....”

A. Yes, it's great B. That would be fine
C. You are welcome D. I feel good

34. –“I think home-made products are good for our health” - “.....”

A. You can make them B. Absolutely right
C. Awesome D. Not at all

35. –“I've decided to go to Lim Festival” - “.....”

A. Do you have fun? B. Is it great?
C. Really? Sounds great. D. Are you kidding?

IV. Use the correct tense of the verbs to complete the sentences.

1. When I was a small child I fancied (fly)_____ kites in the field.
2. They (live)_____ a nomadic life for six years.
3. Their teacher (sing)_____ an English song now.
4. The horse (herd)_____ by Vang every day.
5. John dislikes (work) _____ in front of a computer all day.
6. I would like (visit) _____ the Viet Nam Museum of Ethnology this weekend.
7. I (prefer / make) _____ crafts to (listen) _____ to music.
8. We all adored (do) _____ aerobics when we were young.
9. They don't need (watch) _____ that programme if they don't like it.
10. They (attend) _____ Hoa Ban Festival at this time last year.
11. We cancelled the picnic because it (rain)_____ heavily at that time yesterday.
12. Hung Kings Temple Festival (be)_____ a public holiday in Vietnam since 2007.
13. He (phone) _____ me while I (search) _____ for some information on the Internet.
14. My father doesn't mind (do)_____ the washing up in my family.
15. On these days, lots of children would rather (stay)_____ indoors than (play)_____ outside.

V. Use the correct form of the words to complete the sentences.

1. A family or a business visited by a lion dance _____ is believed to be lucky. **(perform)**
2. You shouldn't miss it because it will be _____. **(forget)**
3. Children in my family have to get _____ before leaving the dining table. **(permit)**
4. We have a tradition of _____ relatives and friends at Tet. **(visit)**
5. The Muong are well-known for the _____ of their traditional songs. **(rich)**
6. The exhibition shows the _____ of different cultural groups. **(diverse)**
7. There are always regional _____ in every country. **(differ)**
8. Most ethnic peoples live in the _____ regions in the north. **(mountain)**

VI. Find mistakes in the following sentences and correct them

1. It takes you too much time playing games. You should go out and play sports.
2. Tom was hooked about playing video games.
3. She would rather do homework than doing housework.
4. He goes to school in the morning and helps his family herding the buffaloes in the afternoon

5. The Tay have largest population than the Thai.
6. We sit down on a tray on a mat to have meals.
7. Remember to take up your shoes when entering a house in Japan.
8. Young people break up tradition by travelling on Tet holiday.
9. In the south, people use apricot blossom to decorate their house in Tet.
10. The prince found a fainted girl while he walked along the beach.

VII. Choose the word or phrase among A, B, C or D that best fits the blank in the following passage.

Nha Trang Sea Festival

Nha Trang Sea Festival takes place every two years for a week in around June in Nha Trang City, Khanh Hoa Province. This is a colorful and dynamic sea festival which honors (1)_____ beauty of Nha Trang – the charming city overlooking the sea. The first Nha Trang Sea Festival was held in 2003 when Nha Trang Beach was proclaimed as a member of the Most Beautiful Bays in the World Club. Coming to Nha Trang (2)_____ the time of festival, visitors will be able to take part in various cultural and recreational events. First of all is an abundant opening (3)_____ by Vietnamese and international art groups. Besides, many interesting activities also take place during the festival like seafood competition, wine festival, beach volleyball, art kite flying festival, underwater group wedding, etc. The festival is also a great (4)_____ for tourists to know more about Viet Nam through special events. Nha Trang Sea Festival will definitely give you an unforgettable impression about Vietnam's charming (5)_____ as well as time-honored traditional values.

- | | | | | |
|----|--------------|----------------|----------------|---------------|
| 1. | A. nature | B. natural | C. naturally | D. nature's |
| 2. | A. in | B. of | C. by | D. at |
| 3. | A. ritual | B. anniversary | C. ceremony | D. procession |
| 4. | A. chance | B. success | C. activity | D. time |
| 5. | A. beautiful | B. beautify | C. beautifully | D. beauty |

VIII. Read the passage and choose the best answer A, B, C or D to each of the following questions.

VILLAGE TRADITIONS

Viet Nam has a rich culture stemming from an agricultural cultivation. For this reason, most Vietnamese people are very attached to their villages. The terms for “village” are different in different groups of people in Viet Nam. The village is highly interwoven social organization. It is not only an administrative organization, but also an economic unit based on the areas of farmland owned by all of the villagers. Farmers living in the same village are closely linked by community or business relations. Thus, their habits, customs, religious practices, and festivals are based on deep-rooted traditions.

The village festivals and ceremonies, in their various forms, display Viet Nam's rich cultural traditions and historical features. There are many popular regional and national festivals, through which inhabitants commemorate regional as well as national heroes/heroines. Wedding ceremonies and funerals have always been considered the most solemn since they marked the two important events in one's life. In engagement and wedding ceremonies, betel leaves and areca nuts make offerings more meaningful. In fact, in most villages in Viet Nam, a cup of tea and a betel leaf with a piece of areca nut are symbols of friendship and other qualities such as faithfulness and honesty.

1. Why do most Vietnamese people love their village so much?
 - A. Because they have a rich culture.
 - B. Because the terms for village are different in different groups.
 - C. Because they have worked on their village's land for many generations.
 - D. Because the village is a social organization.
2. How are relations among villagers firmly established?
 - A. Through an administrative organization.
 - B. By religious practices.
 - C. From family ties.

- D. Through community and business relations.
3. How are Viet Nam's rich cultural traditions shown?
- A. Through festivals and ceremonies.
B. Through the commemorations of regional and national heroes.
C. With rich offerings.
D. With betel leaves and areca nuts.
4. What events are most essential to a Vietnamese village?
- A. Wedding ceremony and funeral
B. Religious practices and festivals.
C. Commemorations of regional and national heroes.
D. National festivals.
5. Why are betel leaves and areca nuts highly valued by Vietnamese people?
- A. Because they are offered at wedding and engagement ceremonies.
B. Because they symbolize good qualities.
C. Because villagers like them so much.
D. Because betel leaves and areca nuts are delicious.

IX. Use the given words to rewrite the following sentences without changing their meanings

1. The red car is more expensive than the black car. (cheap)

2. John runs faster than Thomas. (slowly)

3. It's forbidden to fish here. (must)

4. It's unnecessary to take coats and boots in such beautiful weather. (have to)

5. The librarian forced us to keep silent in the library. (have to)

6. I fancy doing extreme sports. (enjoy)

7. I advise you to see the dentist now. (should)

8. Maria is the most intelligent student in the class. (No one)

9. You're not allowed to park here. (must)

10. Her speaking skills are better than mine. (speak)

11. Although Hue is far from Hanoi, Peter often travels to Hanoi by motorbike. (but)

12. Christian went to Soc Trang to join Ok Om Bok Festival. (because)

13. Sebastien is a French, but he plays Vietnamese folk games well. (although)

14. He has to join the festival in order to play Vietnamese folk games. (so)

15. Although the weather was terrible, we had a good time. (spite)

16. So that Susan would be fit for the skiing, she went to the gym three times a week. (order)

17. My family went to Huong Pagoda Festival two months ago. (since)

18. You won't get in to see the show if you don't have reserved seats. (unless)

19. Brian was really interested in Vietnamese cultural and spiritual events. (interesting)

20. If you don't start early, you will get stuck in the traffic. (otherwise)

XI. Make questions for the underlined parts

1. She was raised by her stepmother because her real mother left her when she was little.

2. The house was chosen for the background of the film in 2006.

3. The Ha Nhi mainly worship their ancestors.

4. The gardens are often close to their houses.

5. To celebrate the Mid-Autumn Festival, children commonly join street parades, carrying lanterns and wearing masks.
